

CTY CP SX-TM MAY SÀI GÒN  
GARMEX SAIGON J.S CO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*  
*Independence - Freedom - Happiness*

Số/No.: 71/CBTT-CT

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2019.

*Ho Chi Minh City, day 15 month 04 year 2019*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/ Organization name: Công Ty Cổ Phần Sản Xuất – Thương Mại May Sài Gòn/ *Saigon Garment Manufacturing Trade Joint Stock Company (GARMEX SAIGON J.S CO)*
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: GMC
- Địa chỉ trụ sở chính/ Address: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM / *252 Nguyen Van Luong Street, Ward 17, Go Vap District. Ho Chi Minh City.*
- Điện thoại/ Telephone: 848 39844822
- Fax: 848 39844876
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Minh Hằng  
Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám Đốc Phụ Trách Tài Chính và Đầu Tư

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

*Information disclosure type*:  Periodic  Irregular  24 hours  On demand

**Nội dung thông tin công bố (\*)/ Content of Information disclosure (\*):** Công bố thông tin báo cáo thường niên năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/04/2019 tại đường dẫn: <http://garmexsaigon-gmc.com/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong-405>

*This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date April 15<sup>th</sup>,2019 Available at : <http://garmexsaigon-gmc.com/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong-405>*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

Nơi gửi:

- Như trên.
- HDQT, BKS
- Lưu.

**Đại diện tổ chức**  
**Organization representative**

Người UQ CBTT

*Party authorized to disclose information*

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*  
*(Signature, full name, position, and seal)*

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH TÀI**  
**CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ**



**NGUYỄN MINH HẰNG**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2 0 1 8

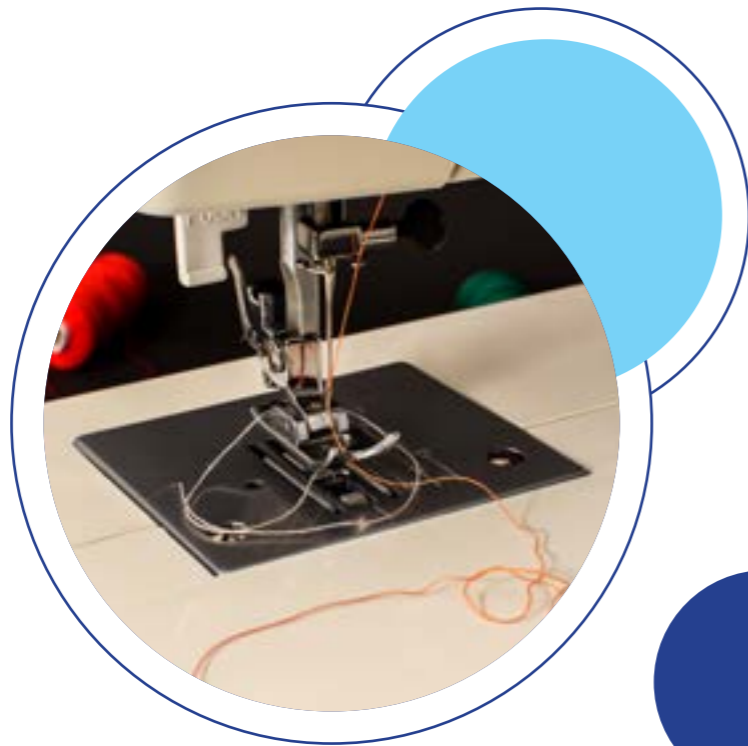


**GARMEX**  
Saigon js

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT  
THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**

# MỤC LỤC

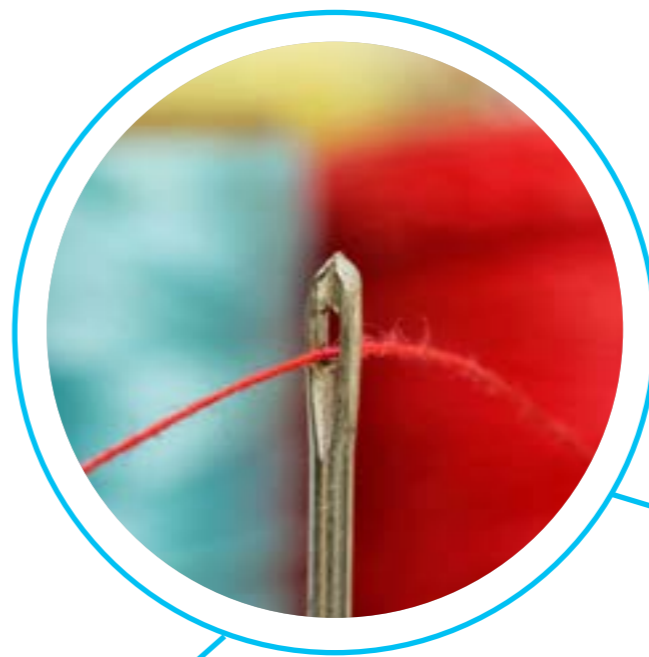
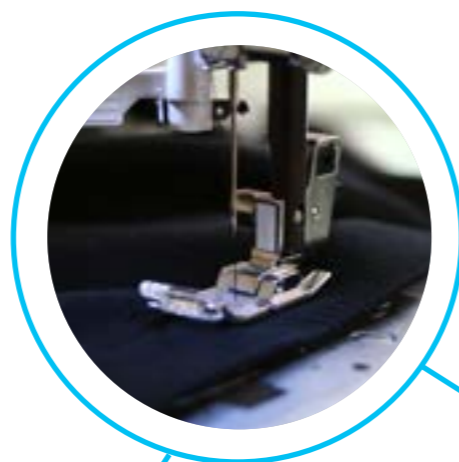
---



- THÔNG TIN CHUNG
- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
- BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- QUẢN TRỊ CÔNG TY
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# 01 THÔNG TIN CHUNG

- THÔNG TIN CHUNG
- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- CÁC RỦI RO



---

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

---

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 19 tháng 12 năm 2016.

---

Vốn điều lệ: 155.556.200.000 đồng

---

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 380.306.446.775 đồng

---

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

---

Số điện thoại: (028)39844822

---

Số fax: (028)39844746

---

Website: [www.garmexsaigon-gmc.com](http://www.garmexsaigon-gmc.com)

---

Mã cổ phiếu: GMC

---



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Năm  
1976

Năm  
2004

Năm  
2006

Năm  
2012

Năm  
2013

Năm  
2014

Năm  
2018

Được thành lập vào năm 1976 - một năm sau ngày đất nước thống nhất, Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn (Garmex Saigon js) khởi đầu là một doanh nghiệp quốc doanh. Lúc đầu Công ty được gọi là Liên hiệp Các Xí nghiệp May Thành phố Hồ Chí Minh, đơn vị chủ quản quản lý một số lượng khá lớn các xí nghiệp may xuất khẩu ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại 213 Hồng Bàng, Quận 5, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào năm 2004, Garmex Saigon tiến hành cổ phần hóa. Cho đến thời điểm này, Garmex Saigon đang hoạt động với 3 Xí nghiệp trực thuộc gồm Xí nghiệp May An Nhơn, Xí nghiệp May An Phú, Xí nghiệp May Bình Tiên. Trụ sở chính của Công ty đặt tại 236/7 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Năm 2006, Garmex Saigon niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) với mã số chứng khoán là GMC. Trụ sở chính của Công ty vẫn đặt tại 236/7 (nay đổi lại là 252) Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào năm 2012, Garmex Saigon được Columbia Sportswear (Mỹ) trao tặng Cúp Performance Excellence cho những thành tích nổi trội về chất lượng, thời gian giao hàng, khả năng phát triển mẫu, và trách nhiệm với cộng đồng xã hội trong Hội nghị Thượng đỉnh thường niên tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào năm 2013, Garmex Saigon vinh dự nhận Huân Chương Lao Động Hạng 3 do những thành tích đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh và chăm lo đời sống của Người Lao Động. Trong năm, Garmex Saigon cũng vinh dự được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn là 1 trong 50 Doanh Nghiệp Niêm Yết tại Việt Nam Có Hoạt Động Tốt Nhất.

Cũng vào năm 2014, Garmex Saigon lại được Columbia Sportswear (Mỹ) trao tặng Cúp Performance Excellence cho những thành tích nổi trội về chất lượng, thời gian giao hàng, khả năng phát triển mẫu, và trách nhiệm với cộng đồng xã hội trong Hội nghị Thượng đỉnh thường niên tổ chức tại Hà Nội. Garmex Saigon tiếp tục vinh dự được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn là 1 trong 50 Doanh Nghiệp Niêm Yết tại Việt Nam Có Hoạt Động Tốt Nhất.

Công ty đoạt giải: Top 5 báo cáo thường niên tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ và Top 5 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ



## ĐỊA BÀN KINH DOANH



## MỘT SỐ SẢN PHẨM



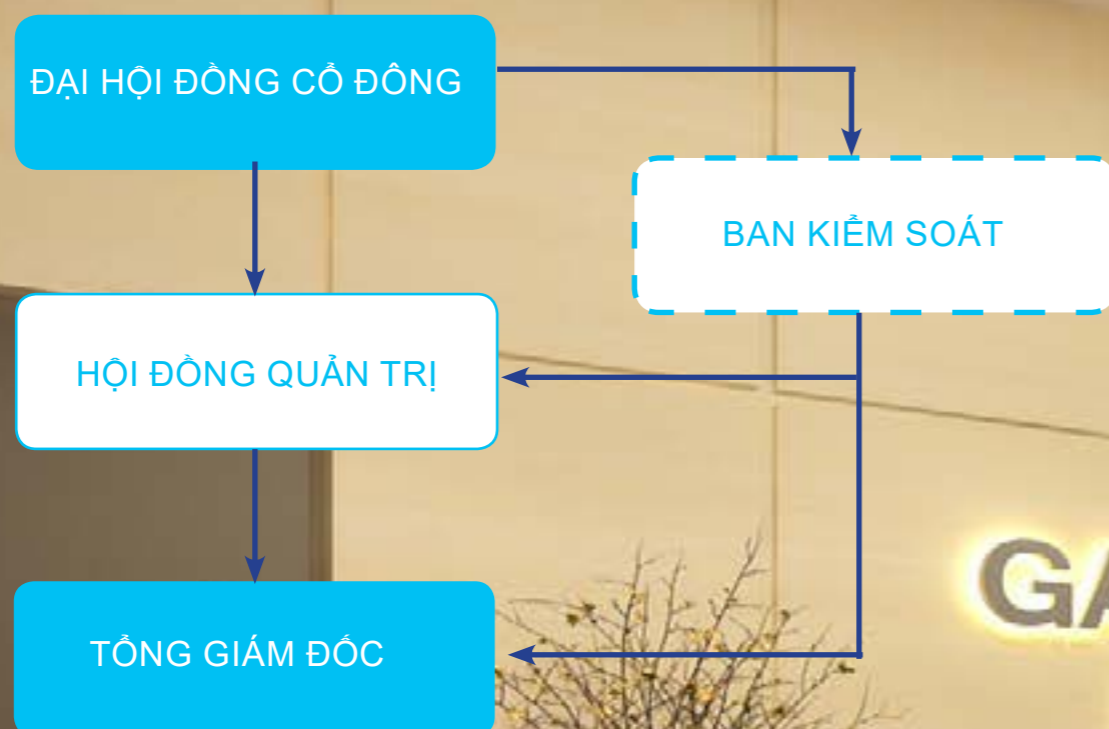
## ĐỐI TÁC KHÁCH HÀNG



## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- May trang phục, trừ trang phục từ da và lông thú, sản phẩm chính là quần áo may sẵn các loại.
- Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao.
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh



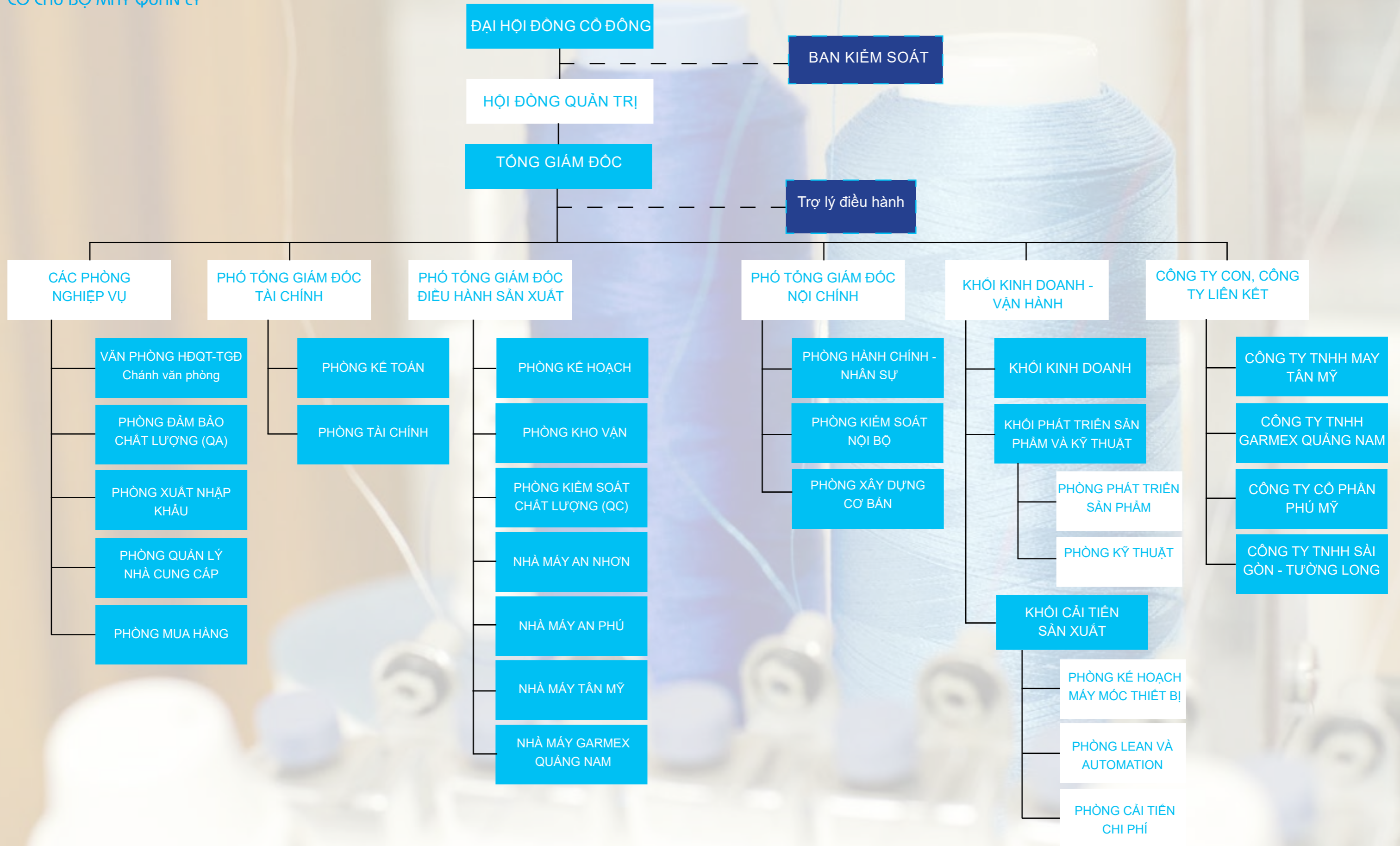

**MÔ HÌNH QUẢN TRỊ**


Công ty hoạt động với mô hình công ty cổ phần mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:  
**Đại hội đồng cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty

**Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**Ban Tổng giám đốc:** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

**Ban kiểm soát:** Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty



## THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

### XÍ NGHIỆP MAY AN NHƠN

- Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Diện tích: 14.000 m<sup>2</sup>
- Năng lực: 15 chuyền
- Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản
- Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Gramicci (Mỹ), New Wave (Thụy Điển), Teijin Frontier (Nhật Bản)



### XÍ NGHIỆP MAY AN PHÚ

- Địa chỉ: 14/5 Quốc lộ 22, Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh
- Diện tích: 14.000 m<sup>2</sup>
- Năng lực: 20 chuyền
- Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu
- Khách hàng chủ yếu: Decathlon (Pháp), Columbia Sportswear (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Gramicci (Mỹ), New Wave (Thụy Điển), Seal-and (Đan Mạch)

# SỞ HỮU

## 2 Xí nghiệp

### CÔNG TY LIÊN KẾT

#### Công ty cổ phần Phú Mỹ

- Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 07 năm 2005 so Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và cụm khu công nghiệp
- Tỷ lệ sở hữu: 32,47% vốn điều lệ
- Giá trị đầu tư: 4.341.000.000 VND
- Địa chỉ: Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam



## THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

### CÔNG TY CON

#### Công ty TNHH May Tân Mỹ



- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh các loại hàng dệt kim và dệt thoi.
- Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu, Úc.
- Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Orvis (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Decathlon (Pháp), New Wave (Thụy Điển), Kathmandu (Úc)
- Vốn điều lệ thực góp: 15.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ sở hữu: 100%
- Quy mô: Diện tích: 50.000 m<sup>2</sup>
- Năng lực sản xuất: 17 chuyền (công suất tối đa 36 chuyền)

#### Công ty TNHH Garmex Quảng Nam (tên cũ: Cty TNHH MTV May Sài Gòn)

- Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh
- Ngành nghề kinh doanh chính: May trang phục, sản xuất vải dệt thoi, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc, bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.
- Vốn điều lệ thực góp: 86.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 100%



#### Chi nhánh của Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam: Nhà máy May Garmex Quảng Nam

- Địa chỉ: Lô B/B2, Cụm Công Nghiệp Hà Lam Chợ Đước, Xã Bình Phục, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam
- Diện tích: 27.000 m<sup>2</sup>
- Năng lực: 10 chuyền (công suất tối đa 30 chuyền)
- Thị trường chủ yếu: Mỹ
- Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Perry Ellis (Mỹ).

#### Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ (Blue Saigon LLC)

- Công ty con 100% vốn của Công ty TNHH GARMEX QUẢNG NAM
- Năng lực: Tập trung phát triển phương thức ODM tại thị trường Mỹ



#### Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long

- Địa chỉ: Số 05 Đại Lộ Thống Nhất – Khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: mua bán, sản xuất quần áo các loại
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 51% vốn của Công Ty Cổ Phần SX-TM May Sài Gòn



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

 <p>100% năng lực phát triển thị trường xuất khẩu.</p>	 <p>Chiến lược phát triển 3P: lao động, sản phẩm, giá. Xem lao động là vốn quý</p>	 <p>Tập trung vào sản phẩm hàm lượng kỹ thuật cao</p>	 <p>Nâng cao, phát triển năng lực sản xuất theo phương thức FOB cấp 2. Bên cạnh đó, vẫn duy trì mục tiêu hướng tới phương thức cao cấp, đem lại tỷ suất sinh lợi cao hơn là ODM</p>
---	---	--	--

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Nâng cao năng lực sản xuất trên cơ sở tối ưu hóa nguồn lực Công ty với quan điểm “Đầu tư chiều sâu, giảm thiểu thâm dụng lao động”.
- Phân đầu lấp đầy nhà xưởng đã có và tăng năng lực sản xuất mục tiêu đến năm 2024 đạt 150 chuyền may.
- Chuyển đổi chiến lược sản phẩm phù hợp điều kiện và kỹ năng lao động từng vùng miền cụ thể trong điều kiện vừa thay đổi, vừa duy trì ổn định doanh thu, dòng tiền

## Các mục tiêu phát triển bền vững

<p><b>A</b> <b>Đối với môi trường</b></p> <p>Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc; nguyên vật liệu đa số là dễ cháy. Nhận thức được tầm quan trọng của việc phòng cháy chữa cháy, Công ty luôn đẩy mạnh tập huấn các nhân viên, đầu tư máy móc thiết bị, dụng cụ đầy đủ để đối phó kịp thời khi có sự cố xảy ra.</p>	<p><b>B</b> <b>Pháp lý</b></p> <p>Hoạt động sản xuất và quản lý của Công ty luôn dựa trên nền tảng tuân thủ pháp luật và các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan.</p>
<p><b>C</b> <b>Sản phẩm</b></p> <p>Hoàn thiện hơn các sản phẩm hiện tại và hướng tới các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao.</p>	<p><b>D</b> <b>Văn hóa</b></p> <p>Xây dựng văn hóa doanh nghiệp với tiêu chí 4T “Tin cậy, Thăng tiến, Tăng trưởng, Truyền thống”. Đảm bảo tiết kiệm chi phí ở mọi khâu hoạt động sản xuất cũng như quản lý. Các chính sách người lao động luôn được đảm bảo, chăm lo tốt hơn về lương, thưởng, môi trường làm việc và giờ làm việc.</p>



## CÁC RỦI RO

### Rủi ro tỷ giá

Đặc thù sản xuất của Công ty là nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu hàng thành phẩm, theo đó mặc dù có tác động bù trừ nhưng biến động tỷ giá vẫn tác động nhất định đến hoạt động sản xuất của Công ty.

Năm 2018, FED thực hiện chính sách nâng lãi suất nhằm giảm sự tăng trưởng nóng của nền kinh tế Mỹ. Việc thực hiện chính sách này đã tác động làm tăng giá trị đồng USD, dẫn đến tỷ giá hối đoái tăng. Dự báo của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia cho rằng, áp lực tăng tỷ giá USD/VND năm 2019 có thể không quá lớn. Tuy nhiên với diễn biến khó lường của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung thì Công ty vẫn giữ quan điểm thận trọng. Tỷ giá tăng sẽ làm ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của Công ty.

Hầu hết các giao dịch liên quan đến tỷ giá của Công ty là giao dịch ngắn hạn. Công ty hạn chế rủi ro tỷ giá thông qua việc mua - bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc rủi ro ngắn hạn vượt mức cho phép.



### Rủi ro lạm phát

Trong năm 2018, Chính phủ đã thực hiện nhiều chính sách để kiểm soát lạm phát. Tuy nhiên trong trung và dài hạn cách làm này chưa mang lại hiệu quả vì những yếu tố bên ngoài không thể kiểm soát được như: giá dầu thế giới năm 2019 được Morgan Stanley và Standard Chartered PLC dự báo trung bình 78 USD/thùng tăng nhẹ so với mức hiện tại, giá hàng hóa thế giới năm 2019 được dự báo có thể tăng. Nhìn chung, có nhiều vấn đề bất cập khi muốn hoàn thành kế hoạch lạm phát dưới 4% của Chính phủ trong năm 2019.

Diễn biến của lạm phát tác động trực tiếp đến dòng tiền thu và chi của Công ty, dự báo lạm phát tăng sẽ làm giảm giá trị các khoản thu nhập trong tương lai và tăng chi phí sản xuất (đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu và nhân công).

Công ty thực hiện quản lý rủi ro trên bằng cách thường xuyên giám sát biến động của lạm phát qua từng tháng để nhanh chóng có kế hoạch điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh.

### Rủi ro kinh tế

Năm 2018 là một năm biến động của kinh tế toàn cầu. Kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng tốt trong nửa đầu năm 2018, tuy nhiên vào thời gian còn lại của năm căng thẳng thương mại tăng cao đã làm xấu đi một phần bức tranh tăng trưởng. Trong bối cảnh kinh tế năm 2018, Quỹ tiền tệ quốc tế IMF đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019 từ 3,9% xuống 3,7%. Theo Bloomberg, những rủi ro sẽ tác động đến kinh tế thế giới 2019 gồm: cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, mâu thuẫn Italy - EU về kế hoạch ngân sách, rủi ro rút vốn và khủng hoảng cơ chế tỷ giá hối đoái tại các nước mới nổi.

Công ty hoạt động trong ngành hàng xuất khẩu may mặc với sản phẩm tiêu thụ chủ yếu ở phân khúc trung và cao cấp; Theo đó, những biến động trên sẽ làm thay đổi lớn đến hành vi tiêu dùng của nhóm khách hàng này.

Công ty quản trị rủi ro bằng cách luôn theo dõi sát sao tình hình kinh tế và có phương án chủ động đối phó với những bất ổn có thể xảy ra nhằm đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh. Cơ cấu sản xuất xuất khẩu luôn đảm bảo cân đối giữa các thị trường truyền thống Hoa Kỳ - Châu Âu và Nhật bản, cân đối rủi ro 'mùa vụ' giữa thị trường xuất khẩu và nội địa.

### Rủi ro lãi suất

Năm 2018, diễn biến lãi suất khá ổn định do Ngân hàng nhà nước điều chỉnh lãi suất theo hướng ưu tiên giảm sức ép đối với tỷ giá USD/VND nhằm ứng phó với tác động từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và mục tiêu kiểm soát lạm phát.

Năm 2019, Ngân hàng nhà nước đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 14% (tương đương 2018) cho thấy nhiều khả năng Ngân hàng nhà nước sẽ tiếp tục theo đuổi chính sách tiền tệ thận trọng. Vì vậy, ước tính lãi suất năm 2019 sẽ không biến động nhiều và có xu hướng tăng nhẹ.

Đặc thù sản xuất của Công ty theo phương thức FOB nên có nhu cầu vốn lưu động lớn. Rủi ro về lãi suất mà Công ty có thể gặp phải đến từ các khoản vay bổ sung vốn lưu động, các khoản tiền gửi ngắn hạn,... Hiện nay, tỷ lệ nợ vay ngân hàng của Công ty chiếm tới 38% tổng tài sản. Vì vậy, khi lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí sử dụng nợ từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Công ty hạn chế và kiểm soát rủi ro lãi suất bằng việc xây dựng các phương án sản xuất hợp lý nhằm làm giảm áp lực đối với nguồn vốn lưu động, luôn chủ động theo dõi, phân tích thị trường để nhanh chóng điều chỉnh kế hoạch hoặc đề ra phương hướng giải quyết.



## CÁC RỦI RO

### Rủi ro đặc thù ngành

#### Nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty là vải các loại và phụ liệu may mặc – chiếm hơn 60% chi phí sản xuất kinh doanh, các nguyên liệu này chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc và Đài Loan. Theo đó, những biến động về giá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến biên lợi nhuận gộp của Công ty. Bên cạnh đó, do đặc thù quá trình sản xuất may mặc phải qua nhiều công đoạn và kết hợp nhiều chi tiết để tạo sản phẩm hoàn chỉnh nên việc cung cấp và quản lý chất lượng nguyên liệu rất quan trọng.

Để hạn chế rủi ro trên, Công ty định kỳ thực hiện xét duyệt, đánh giá nhà thầu phụ để xây dựng một hệ thống các nhà thầu phụ đạt tiêu chuẩn. Đối với những nhà cung cấp do khách hàng chỉ định, khi xảy ra sự cố, các nhà cung cấp này có trách nhiệm phối hợp với Công ty cùng xử lý. Về giải pháp trung và dài hạn, Công ty đang nỗ lực hướng đến nâng cấp toàn bộ các đơn hàng FOB hiện tại lên FOB cấp 2 (chủ động về nguồn nguyên liệu).



### Rủi ro đặc thù ngành

#### Chi phí nhân công:

Ngành may mặc là một trong những ngành thâm dụng lao động cao. Do đó chi phí lao động quyết định lớn tới việc lựa chọn nhà sản xuất hàng dệt may. Theo đánh giá của World Bank, Việt Nam đang mất dần lợi thế chi phí nhân công rẻ. Thu nhập tối thiểu vùng tại Việt Nam vào khoảng 182 USD/tháng cao hơn Bangladesh (19 USD), Campuchia (170 USD/tháng) và một số nước trong khu vực Châu Á khác. Hiện tại, Việt Nam đang dẫn đầu trong nhóm các nước có tỷ lệ tăng lương cao nhất Châu Á. Tốc độ tăng lương tối thiểu có thể khiến các doanh nghiệp may mặc Việt Nam kém hấp dẫn trong mắt khách hàng.

### Rủi ro luật pháp

Là một pháp nhân hoạt động trong lĩnh vực dệt may cũng như đã niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh nên Công ty chịu tác động của hệ thống pháp luật Việt Nam và các chính sách liên quan bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Môi trường,... Tuy nhiên, hiện tại hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện để đảm bảo tính minh bạch và phù hợp với xu thế nền kinh tế hiện nay. Theo đó, Công ty luôn chủ động cập nhật và theo dõi các chính sách, chủ trương mới của nhà nước, luật pháp và thông lệ quốc tế để đưa ra mục tiêu, kế hoạch phù hợp với quy mô sản xuất của Công ty

Hiện nay, Bộ Tài chính đang có dự định sửa đổi hơn 40 thông tư về việc cắt giảm phí và lệ phí cho các doanh nghiệp góp phần cải thiện môi trường kinh doanh. Bên cạnh đó, Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập sâu rộng, nhiều hiệp định thương mại quan trọng đã được ký kết thời gian qua. Vì vậy việc nắm bắt và cập nhật liên tục những quy định này là rất cần thiết cho sự phát triển của Công ty.

### Rủi ro khác

Để hạn chế những rủi ro về thiên tai, hỏa hoạn,... hoặc các rủi ro không dự báo trước được nhưng lại gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản, Công ty chủ động phòng tránh bằng việc mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của công ty, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng, trang bị các thiết bị bảo vệ an toàn theo quy định và tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ nhân viên về những kiến thức cần thiết để đảm bảo an toàn khi có rủi ro xảy ra.

Nhận định được rủi ro này, Công ty tập trung phát triển vào các sản phẩm có giá trị thặng dư cao nhằm cạnh tranh với các đối thủ có nguồn lao động giá rẻ, đồng thời tận dụng được lợi thế năng lực nhân công may mặc có năng suất cao. Đồng thời Công ty tiếp tục thực hiện chính sách "thâm dụng đầu tư thay cho thâm dụng lao động", tăng đầu tư thiết bị chuyên dụng, tự động hóa máy móc thiết bị và nâng cao kỹ năng trong lao động trực tiếp và gián tiếp.



# 02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SO VỚI KẾ HOẠCH
- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



### Toàn cảnh nền kinh tế thế giới và Việt Nam

Năm 2018, tăng trưởng kinh tế thế giới vào khoảng 3,7%. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này diễn ra không đồng đều giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển và thậm chí giữa các nước trong cùng nhóm. Cụ thể, trong nhóm các quốc gia phát triển có tốc độ tăng trưởng như sau:

- Kinh tế Mỹ tăng trưởng tích cực từ sự hồi phục của khu vực tư nhân và chính sách mở rộng tài khóa của chính phủ. Tăng trưởng kinh tế Mỹ đạt 2,9%.
- Các nước trong khối Châu Âu đang đối đầu với những thách thức như Brexit, căng thẳng thương mại với Mỹ. Tăng trưởng kinh tế khối Châu Âu ước đạt 2%.
- Nền kinh tế Nhật Bản tăng trưởng chậm lại do ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh thương mại cũng như thiên tai. Tăng trưởng kinh tế Nhật Bản đạt 0,9%.

Đi ngược lại bối cảnh chung của kinh tế thế giới, năm 2018 là năm đánh dấu sự tăng trưởng vượt bậc của kinh tế Việt Nam, GDP tăng 7,08% - mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm trở lại đây

### Toàn cảnh ngành may mặc

Năm 2018, chiến tranh thương mại Mỹ và Trung Quốc tạm thời hạ nhiệt đã không ảnh hưởng nhiều đến sự dịch chuyển đơn hàng từ Trung Quốc sang các nước có chi phí nhân công rẻ. Nguyên nhân do chủ trương của Trung Quốc là chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang tiêu dùng và sản xuất hàng công nghệ với giá trị gia tăng cao, hạn chế phát triển dệt may. Đây sẽ là cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam gia tăng thị phần xuất khẩu sang thị trường Mỹ.

Bên cạnh đó, tuy thực tế lợi thế cạnh tranh nhân công giá rẻ tại Việt Nam đang suy yếu dần và các doanh nghiệp Việt Nam cũng đang chịu áp lực cạnh tranh lớn từ Cambodia, Myanmar, Bangladesh, Ấn Độ. Nhưng tiêu chuẩn chất lượng, môi trường lao động ở các địa bàn mới như Bangladesh, Ấn Độ chưa đạt quy mô như nhà đầu tư kỳ vọng, nên tình hình các đơn hàng vào Việt Nam năm 2018 vẫn rất khả quan. Tổng kết năm 2018, kim ngạch xuất khẩu của ngành dệt may đạt hơn 36 tỷ USD, tăng trưởng trên 16%.

Bên cạnh những thuận lợi trên ngành may mặc Việt Nam năm qua cũng đối mặt với không ít khó khăn như: xu hướng phát triển chuỗi cung ứng nguyên liệu của ngành cũng đang gặp khó khăn do hạn chế công nghệ, vốn đầu tư và rào cản chính sách. Ngoài ra, xu hướng "fast fashion", cá nhân hóa vào trang phục và sự phát triển của thương mại điện tử vẫn tiếp tục là thách thức chung của toàn ngành.

CHỈ TIÊU	Đơn vị: triệu đồng		
	TH 2017	TH 2018	TH 2018/KH 2018
Doanh thu thuần	1.605.048	2.038.901	27,03%
Giá vốn hàng bán	1.344.066	1.675.340	24,65%
Doanh thu hoạt động tài chính	5.630	17.133	204,32%
Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	204.629	242.085	18,30%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	61.984	138.900	124,09%
Lợi nhuận khác	12.827	2.562	(80,03%)
Lợi nhuận trước thuế	74.811	141.462	89,09%
Lợi nhuận sau thuế	58.579	120.399	105,53%
Lợi nhuận trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	3.540	7.799	120,31%

Trong thực tế bối cảnh kinh tế vĩ mô và ngành, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh rất khả quan. Các chỉ tiêu Doanh thu thuần và Lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 2.038,9 tỷ đồng và 141,5 tỷ đồng, tăng 27,03% và 89,09% so với năm 2017.

Đáng lưu ý là khoản doanh thu tài chính tăng hơn 204,32%, nguyên nhân trong năm Công ty đã ghi nhận khoản lợi nhuận từ chia cổ tức và chuyển nhượng cổ phần của CTCP Da giày Sagoda. Doanh thu từ các mảng hoạt động cùng với chính sách cải tiến sản xuất và giảm trích lập dự phòng lương đã giúp Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng vượt bậc hơn 124,09% và 105,53%.

Trong các chỉ tiêu kinh doanh, khoản Lợi nhuận khác giảm 80,03% do trong năm Công ty chỉ thực hiện thanh lý một số máy móc cũ và không có khoản tăng đột biến từ việc thanh lý quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như năm 2017.

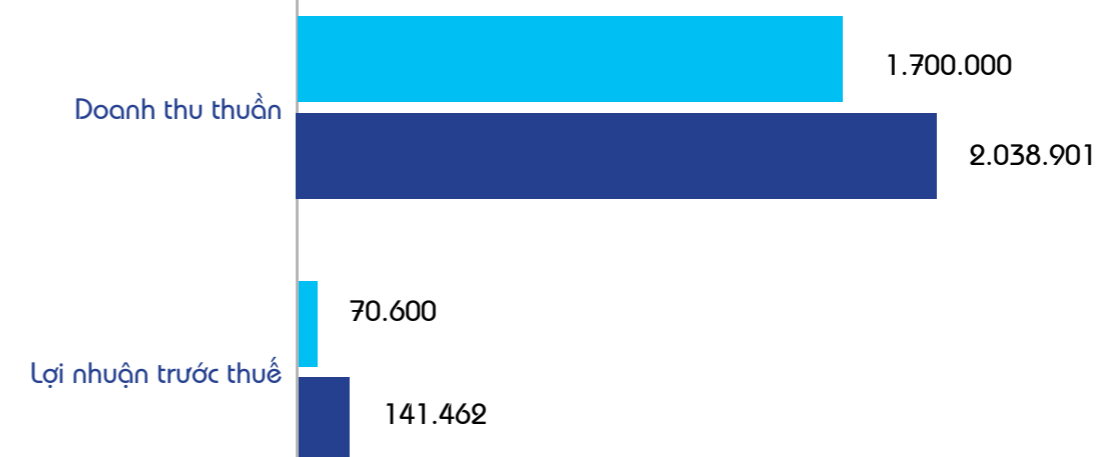


# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	TH 2017	KH 2018	TH 2018	Đơn vị: triệu đồng	
						TH 2018/ KH 2018	TH 2018/ TH 2017
Doanh thu thuần	Tr.đồng	1.611.379	1.605.048	1.700.000	2.038.901	19,94%	27,03%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	75.696	74.811	70.600	141.462	100,37%	89,09%
Tỷ lệ LNTT/DTT	%	4,7%	4,66%	4,15%	6,94%	67,07%	48,86%
Cổ tức/VĐL	%	30%	30%	30%	30%	100%	-

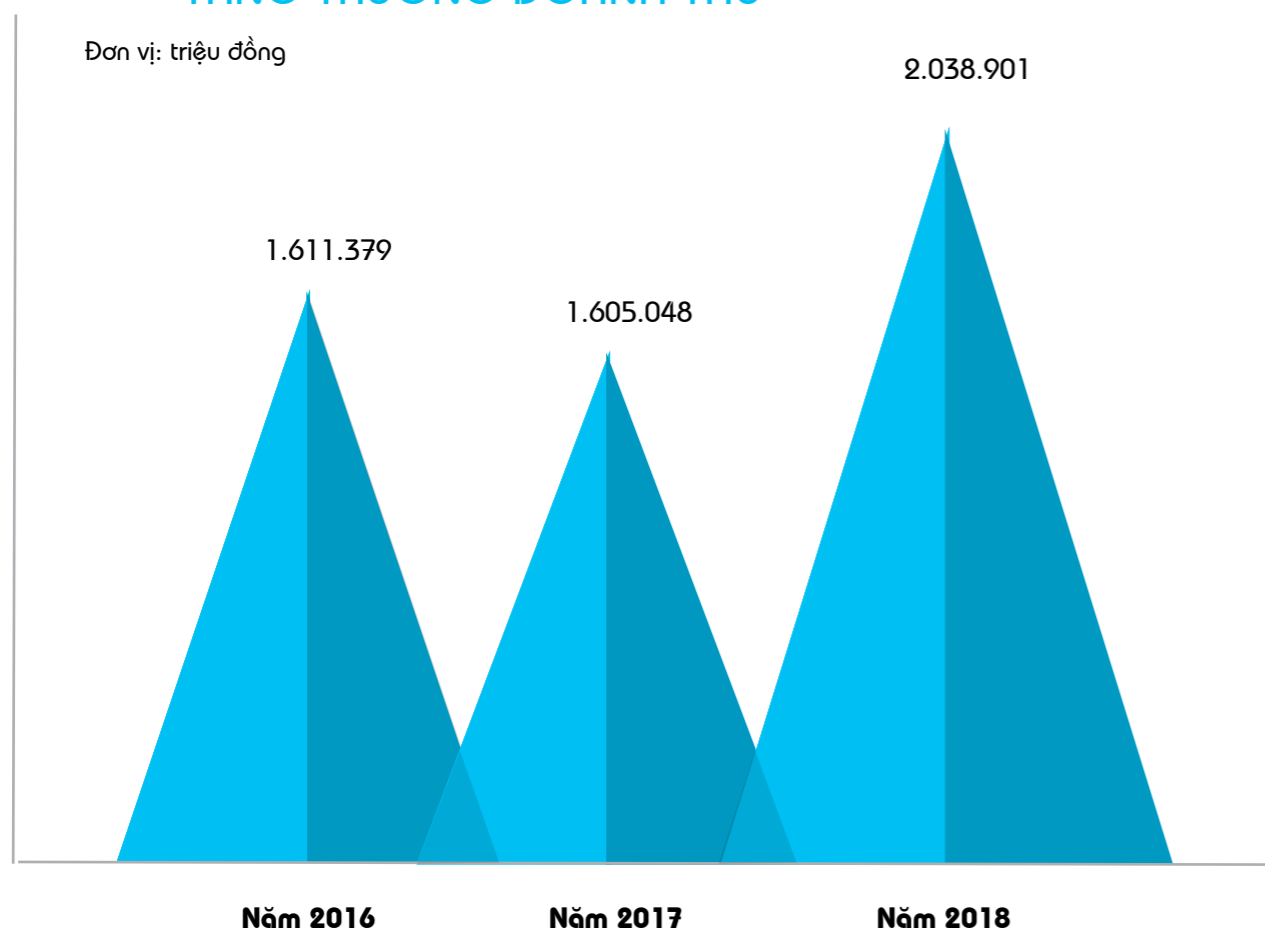
## CHỈ TIÊU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018

Đơn vị: triệu đồng



## TĂNG TRƯỞNG DOANH THU

Đơn vị: triệu đồng



Từ số liệu có thể thấy Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cụ thể, doanh thu đạt 2.039 tỷ đồng, vượt 19,94% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 141,5 tỷ đồng, vượt 100,37% kế hoạch. Kết quả này là sự nỗ lực không ngừng nghỉ của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên. Điều kiện vĩ mô và các chính sách nội bộ tác động tích cực đến doanh thu: sự chuyển dịch đơn hàng từ Trung Quốc giúp đơn hàng Công ty tăng mạnh, cùng với đó là những chính sách đúng đắn trong điều hành như: phương pháp cải tiến sản xuất, tiết kiệm chi phí ở mọi lĩnh vực để gia tăng tính cạnh tranh, giảm phần trích lập dự phòng lương, tái cơ cấu sản xuất theo hướng mô hình Lean hóa...



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## CƠ CẤU NHÂN SỰ BAN LÃNH ĐẠO

### Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ	Ghi chú
1	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch	2.458.454 cp	15,80 %	Đại diện sở hữu của Cty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải
			727.070 cp	4,67%	Đại diện sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt
2	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	1.572.340 cp	10,11%	Đại diện sở hữu của Cty cổ phần Đầu tư T.T.A
3	Ông Lê Hùng	Thành viên	782.193 cp	5,03%	Đại diện sở hữu của CTCP Dệt May Gia Định
4	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	782.192 cp	5,03%	Đại diện sở hữu của CTCP Dệt May Gia Định
5	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên	16.070 cp	0,10%	Sở hữu cá nhân
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	39.290 cp	0,25%	Sở hữu cá nhân
			817.910 cp	5,26%	Sở hữu cá nhân
7	Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên	436.810 cp	2,81%	Đại diện sở hữu của Công ty TNHH Tân Á
			436.810 cp	2,81%	Đại diện sở hữu của TNHH Thương mại Á Châu

### Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
1	Bà Phan Thị Phượng	Trưởng ban	3.940 cổ phần	0,03%
2	Bà Lê Thị Chín	Thành viên	3.940 cổ phần	0,03%
3	Bà Từ Vĩ Trí	Thành viên	0 cổ phần	0,00%

### Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ	Ghi chú
1	Ông Lê Hùng	Tổng Giám đốc	782.193 cp	5,03%	Đại diện sở hữu CTCP Dệt May Gia Định
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	39.290 cp	0,25%	
3	Bà Nguyễn Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính	16.070 cp	0,1%	
4	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	0	0	



LÝ LỊCH NHÂN SỰ

**Hội đồng quản trị**

**Ông BÙI TUẤN NGỌC**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 21/02/1965

**Trình độ chuyên môn:**

- Kỹ sư xây dựng;
- Cử nhân Kinh tế ngoại thương

**Quá trình công tác:**

- 1988 – 1992: Cán bộ Xí nghiệp XD CB SEAPRODEX – Bộ Thủy sản ;
- 1992 – 1993: Cán bộ tại liên hiệp DV SX TM tp. Hồ Chí Minh;
- 1993 – 1994: Cán bộ tại TT TM LD Việt – Xô TP HCM (ROSVIET-IMPEX);
- 04/2008 – nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Transimex
- 2009 - nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Đầu tư Toàn Việt;
- 2012 - nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần IN và TM Vina;
- 07/2016 - nay: Phó chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn.
- 05/12/2018 – nay: Chủ Tịch HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

**Chức vụ hiện nay:**

- Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

**Chức vụ tại tổ chức khác:**

- Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Transimex (TMS)
- Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Đầu tư Toàn Việt;
- Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần IN và TM Vina (VPR)
- Phó chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CLX)
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Vina
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại Thiên Hải

**Tổng số cổ phần nắm giữ:**

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu
- Đại diện sở hữu của Công ty cổ phần Đầu tư Toàn Việt 727.070 cổ phần, chiếm 4,67% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải : 2.458.454 cổ phần, chiếm 15,80% vốn điều lệ

**Ông BÙI MINH TUẤN**

Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 28/02/1971

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Tài chính ngân hàng

**Quá trình công tác:**

- 2002 – 2013: Giám đốc tại Công ty TNHH Đầu tư Đất Mới
- 2007 – nay: Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Vina
- 2013 – nay: Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Transimex
- 07/2016 – nay: Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần XNK và ĐT Chợ Lớn
- 05/2017 – nay: Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần In và TM Vina
- 05/12/2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

**Chức vụ hiện nay:**

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

**Chức vụ tại tổ chức khác:**

- Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Vina
- Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Transimex (TMS)
- Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần XNK và ĐT Chợ Lớn (CLX)
- Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần In và TM Vina (VPR)
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư T.T.A

**Tổng số cổ phần nắm giữ:**

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu
- Công ty cổ phần đầu tư T.T.A nắm giữ 1.572.340 cổ phiếu chiếm 10,11% vốn điều lệ

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## LÝ LỊCH NHÂN SỰ

### Hội đồng quản trị

#### Ông NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

Thành viên Hội đồng quản trị  
Ngày sinh: 27/10/1976

#### Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kinh tế
- chuyên viên kế toán, kiểm toán quốc tế (FCCA)

#### Quá trình công tác:

- 1998 – 2002: Kiểm toán viên cao cấp tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế KPMG;
- 2003 – 2004: Trưởng phòng kế toán quản trị tại công ty TNHH Unilever Bestfoods Vietnam;
- 2004 – 2006: Giám đốc Đầu tư tại Công ty VinaCapital Investment Management Ltd;
- 2006 – 2012: Phó Giám Đốc Điều hành tại Công ty VinaCapital Corporate Finance VN Co.,Ltd;
- 2012 – nay: Giám đốc Điều hành – thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh.
- 05/12/2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại Mạỵ Sài Gòn.

#### Chức vụ hiện nay:

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại Mạỵ Sài Gòn

#### Chức vụ tại tổ chức khác:

- Giám đốc Điều hành – thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GIL)
- Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Dệt mạỵ Gia Định (GID)
- Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Giày da và Mạỵ mặỵ Xuất khẩu Legamex (LGM)

#### Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu
- Đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Dệt mạỵ Gia Định: 782.192 cổ phần, chiếm 5,03% vốn điều lệ.

#### Ông LÊ HÙNG

Thành viên hội đồng quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc  
Ngày sinh: 24/08/1974

#### Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành Quản trị Kinh doanh

#### Quá trình công tác:

- 05/2010 - 04/2011: Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh
- 04/2011 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh
- 05/12/2018 – nay: Thành viên HĐQT , Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại Mạỵ Sài Gòn

#### Chức vụ hiện nay:

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại Mạỵ Sài Gòn

#### Chức vụ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh (GIL)
- Tổng Giám đốc – Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Dệt Mạỵ Gia Định (GID)
- Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Giày da và Mạỵ mặỵ Xuất khẩu Legamex (LGM)

#### Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu
- Đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Dệt mạỵ Gia Định: 782.193 cổ phần, chiếm 5,03% vốn điều lệ.

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## LÝ LỊCH NHÂN SỰ

### Hội đồng quản trị

#### Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Thành viên Hội đồng quản trị  
kiêm Phó Tổng Giám đốc  
Ngày sinh: 12/01/1965

#### Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế (Ngành Quản trị)

#### Quá trình công tác:

- 01/1987 – 07/1987: Công nhân May Xí nghiệp may Sài Gòn 1
- 08/1987 – 03/1993: Bí thư Đoàn Thanh niên chuyên trách XN May Sài Gòn 1 kiêm Phó Bí thư Đoàn TN Công ty SX – XNK may Sài Gòn
- 04/1993 – 04/2000: Bí Thư Đoàn TN kiêm Nhân Viên LĐTL, kiêm Phó Quản Đốc Xí Nghiệp May Garmex 1
- 05/2000 – 03/2002: Phó phòng TCHC Xí Nghiệp May Garmex 1
- 03/2002 – 12/2003: Trưởng phòng TCHC Xí nghiệp may Garmex 1
- 01/2004 – 04/2009: Trưởng phòng TCHC XN May Garmex An Nhơn
- 05/2009 – 05/2010: Ủy viên thường vụ Đảng Ủy, Phó Chủ Tịch Công đoàn Công ty, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nội chính kiêm trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn.
- 06/2010 - nay: Bí thư Đảng ủy, Phó chủ tịch Công ty đoàn Công đoàn Công ty, Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

#### Chức vụ hiện nay:

- Bí thư Đảng Ủy, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

**Tổng số cổ phần nắm giữ:** 39.290 cổ phần, chiếm 0,25% vốn điều lệ

#### Bà NGUYỄN MINH HẰNG

Thành viên Hội đồng quản trị  
kiêm Phó Tổng Giám đốc  
Ngày sinh: 18/06/1977

#### Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế

#### Quá trình công tác:

- 01/1999 – 01/2004: Nhân viên Kế toán Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn;
- 01/2004 – 12/2006: Nhân viên Kế toán Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn;
- 01/2007 – 02/2008: Phó phòng Kế toán Thống kê Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
- 03/2008 – 5/2009: Trưởng phòng kế toán Thống kê Công ty Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn;
- 06/2009 – 03/2014: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
- 04/2014 – 02/2015: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
- 03/2015 – 31/07/2018: Đảng ủy viên, giám đốc Tài chính kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn.
- 01/08/2018 - nay: Đảng ủy viên, Giám đốc tài chính, phó tổng giám đốc phụ trách Tài chính và Đầu tư Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn.
- 05/12/2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

#### Chức vụ hiện nay:

- Giám đốc tài chính, Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính và Đầu tư Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

**Tổng số cổ phần nắm giữ:** 16.070 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ

## LÝ LỊCH NHÂN SỰ

**Hội đồng quản trị****Ông LÂM TỬ THANH**

Thành viên hội đồng quản trị  
Ngày sinh: : 31/05/1958

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- 1992 - nay: Giám đốc Công ty TNHH TM Á Châu
- 1995 - nay: Giám đốc Công ty TNHH Tấn Á
- 5/2009 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần SX-TM May Sài Gòn

**Chức vụ hiện nay:**

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn

**Chức vụ tại tổ chức khác:**

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn (NSG)

**Tổng số cổ phần nắm giữ:**

- Cá nhân sở hữu: 817.910 cổ phần, chiếm 5,26% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của Công ty TNHH TM Á Châu : 436.810 cổ phần, chiếm 2,81% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của Công ty TNHH Tấn Á : 436.810 cổ phần, chiếm 2,81% vốn điều lệ

**Ban điều hành**

(Thông tin của các thành viên Ban Điều hành đã được trình bày ở phần Hội đồng quản trị)

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Luật

**Quá trình công tác:**

- 03/1985 – 11/1993: Nhân viên Kế toán ngân sách UBND Phường 25, Quận Bình Thạnh
- 11/1995 – 03/2001: Phó Bí Thư Đảng ủy – Chủ tịch UBND Phường 25, Quận Bình Thạnh
- 04/2001 – 12/2001: Quận ủy viên – Bí Thư Đảng ủy Phường 25, Quận Bình Thạnh
- 01/2002 – 04/2003: quận ủy viên – Trưởng phòng Kinh tế Quận Bình Thạnh
- 05/2003 – 12/2004: Quận ủy viên – Chánh văn phòng HĐND – UBND quận Bình Thạnh
- 12/2004 – 09/2009: Ủy viên Ban thường vụ Quận ủy – Phó Chủ tịch UBND Quận bình Thạnh kiêm Bí Thư Đảng ủy Khối cơ quan UBND quận Bình Thạnh
- 10/2009 – 07/2014: Phó Bí Thư Quận ủy – Chủ tịch UBND Quận Bình Thạnh
- 07/2014 – 08/2018: Bí Thư Quận ủy Bình Thạnh
- 09/2018 – 24/03/2019: Nghỉ hưu
- 25/03/2019 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Nội chính Công ty cổ phần Sản xuất – Thương Mại May Sài Gòn

**Chức vụ hiện nay:**

- Phó Tổng Giám đốc Nội chính Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

**Chức vụ tại tổ chức khác:** không

**Tổng số cổ phần nắm giữ:** 0 cổ phần.

**Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:** 0 cổ phần.

**Bà NGUYỄN THỊ THU HÀ**

Phó Tổng Giám đốc  
Ngày sinh: : 10/08/1963

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## LÝ LỊCH NHÂN SỰ

### Ban kiểm soát

#### Bà PHAN THỊ PHƯỢNG

Trưởng Ban kiểm soát  
Ngày sinh: 08/03/1969

#### Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

#### Quá trình công tác:

- 7/1991 – 8/1992: Nhân viên Kinh doanh Xí nghiệp Thủy tinh thuộc Bộ Công nghiệp;
- 8/1992 – 8/1998: Nhân viên Kế toán Dệt May Gia Định;
- 8/1998 – 5/1/1999: Phó Phòng kế toán Công ty Dệt May Gia Định;
- 5/1999 – 11/2001: Phó Phòng kinh doanh công ty Dệt May Gia Định;
- 11/2001 – 12/2004: Trưởng Phòng kế toán Công ty Dệt May Gia Định;
- 12/2004 – 10/2010: Kế toán trưởng Công ty Dệt May Gia Định;
- 11/2010 – 5/8/2016: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định;
- 6/8/2016 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định.

#### Chức vụ hiện nay:

- Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

#### Chức vụ tại tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết (BBT)
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Wec Sài Gòn (GiayDepWEC)
- Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dệt may Gia Định

Tổng số cổ phần nắm giữ: 3.940 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ

#### Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

- Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định nắm giữ: 1.564.385 cổ phần, chiếm 10,06% vốn điều lệ.

#### Bà LÊ THỊ CHÍN

Thành viên Ban kiểm soát  
Ngày sinh: : 08/03/1970

#### Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế (Tài chính Doanh Nghiệp)

#### Quá trình công tác:

- 1992 - nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH TM Á Châu và Công ty TNHH Nhựa Nam Á
- 05/12/2018 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

#### Chức vụ hiện nay:

- Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

#### Chức vụ tại tổ chức khác:

- Kế toán trưởng Công ty TNHH TM Á Châu và Công ty TNHH Nhựa Nam Á

Tổng số cổ phần nắm giữ: 3.940 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ

#### Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế (Tài chính doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh)

#### Quá trình công tác:

- 2003 – 2006: Chuyên viên Tín dụng Ngân hàng Đông Á;
- 2006 – 2007: Chuyên viên khách hàng Doanh nghiệp Ngân hàng Quốc tế VN (VIB);
- 2007 – 2012: Chuyên viên Phân tích, Tư vấn Tài chính doanh nghiệp Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á;
- 2012 – 2015: Chuyên viên Phân tích Đầu tư Công ty Quản lý quỹ Chứng khoán Đông Á;
- 2015 – 2016: Phó Phòng Phân tích Công ty chứng khoán KIS VN;
- 2016 – 2017: Chuyên viên Nghiên cứu phát triển chiến lược CTCP Tập đoàn Hoa Sen;
- 2017 – nay: Chuyên viên Phòng Kế toán – Tài chính CTCP Transimex.
- 05/12/2018 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

#### Chức vụ hiện nay:

- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn (GMC)

#### Chức vụ tại tổ chức khác:

- Chuyên viên Phòng Kế toán – Tài chính, Công ty Cổ phần Transimex (TMS)

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

#### Ông TỪ VĨ TRÍ

Thành viên Ban kiểm soát  
Ngày sinh: 20/01/1981



**NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH**

Trong năm 2018 Công ty đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 05/12/2018 để bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ – IV (5 năm). Theo đó, những thay đổi nhân sự ban điều hành trong năm như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Thay đổi
<b>I</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		
1	Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 05/12/2018
2	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 05/12/2018
3	Lê Hùng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 05/12/2018
4	Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 05/12/2018
5	Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 05/12/2018
6	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 05/12/2018
7	Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 05/12/2018
8	Lê Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm 05/12/2018
9	Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm 05/12/2018
10	Lâm Quang Thái	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm 05/12/2018
11	Phan Thị Phương	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm 05/12/2018
<b>II</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		
1	Phan Thị Phương	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 05/12/2018
2	Lê Thị Chín	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 05/12/2018
3	Từ Vĩ Trí	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 05/12/2018
4	Lê Thị Chín	Trưởng ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 05/12/2018
5	Nguyễn Thị Hồng Liên	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm ngày 05/12/2018
6	Lâm Quan Kiều Phương	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm ngày 05/12/2018



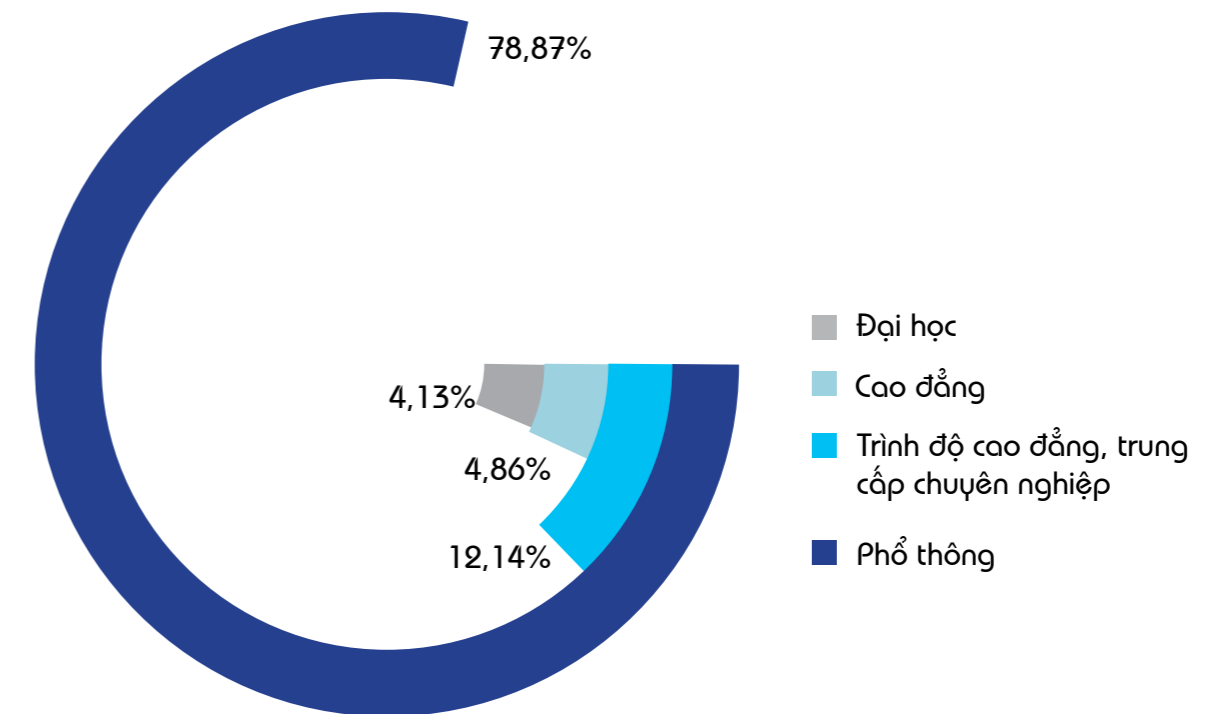
# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## CƠ CẤU LAO ĐỘNG

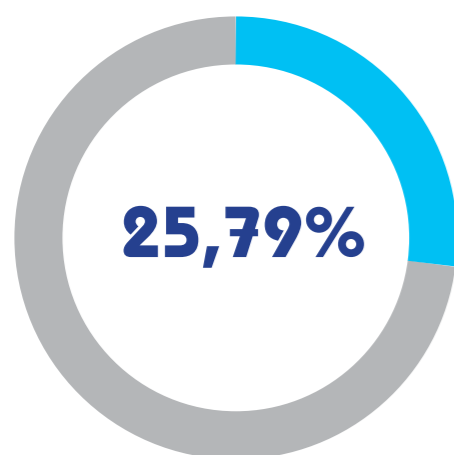
Đội ngũ Công ty gồm hơn 90 người, tập trung phát triển mẫu, thiết kế mẫu, rập sơ đồ, rập in sơ đồ, tính toán định mức chuẩn bị cho sản xuất

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Tỷ trọng
<b>I</b>	<b>Theo giới tính:</b>	<b>4.118</b>	<b>100,00%</b>
	Nam	1.062	25,79%
	Nữ	3.056	74,21%
<b>II</b>	<b>Theo hợp đồng lao động:</b>	<b>4.118</b>	<b>100,00%</b>
	Toàn thời gian	4.118	100%
	Bán thời gian	-	-
<b>III</b>	<b>Theo trình độ:</b>	<b>4.118</b>	
	Đại học	170	4,13%
	Cao đẳng	200	4,86%
	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	500	12,14%
	Phổ thông	3.248	78,87%

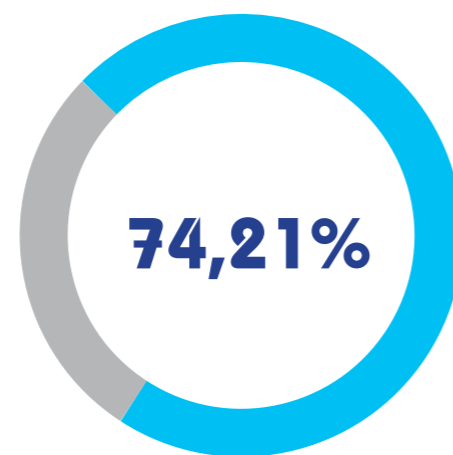
## CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ



## CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO GIỚI TÍNH



**LAO ĐỘNG NỮ**



**LAO ĐỘNG NAM**

Nhân lực là nền tảng, là cốt lõi để vận hành bộ máy Công ty. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn chú trọng và quan tâm đến các chính sách người lao động. Ban lãnh đạo đã thực hiện các giải pháp về nhân sự như sau:

- Ổn định việc làm, giảm thiểu thời gian chờ việc của người lao động.
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, bồi dưỡng chăm sóc nguồn nhân lực với phương châm "Lao động là vốn quý".
- Dựa trên các tiêu chí đánh giá năng lực (ASK), tiêu chí đánh giá thành tích (KPI) tiến hành soát xét cho từng vị trí công việc nhằm xác định rõ trách nhiệm công việc, mối quan hệ và tính hiệu quả của từng thành viên.
- Thực hiện đúng chế độ lương, thưởng và các phúc lợi cũng như duy trì văn hóa kỷ luật trong công ty.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

**Đầu tư dự án:** Trong năm công ty không thực hiện việc đầu tư mở rộng mới

### Đầu tư vào công ty con

#### • Công ty TNHH May Tân Mỹ

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2018): 15.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn điều lệ.
- Tình hình hoạt động SXKD Công ty TNHH May Tân Mỹ:

Đơn vị tính: triệu đồng				
STT	Chỉ tiêu	TH 2017	TH 2018	TH 2018/TH2017
1	Doanh thu thuần	145.087	151.444	4,38%
2	Giá vốn hàng bán	111.178	114.442	2,94%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	98	114	16,33%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	27.947	31.536	12,84%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.060	5.580	(7,92%)
6	Lợi nhuận khác	(90)	144	-
7	Lợi nhuận trước thuế	5.970	5.725	(4,10%)
8	Lợi nhuận sau thuế	5.512	5.289	(4,05%)

#### • Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2018): 20.000.000.000 đồng - Tỷ lệ sở hữu: 51% vốn điều lệ.
- Tình hình hoạt động SXKD hợp nhất của Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam:

Đơn vị tính: triệu đồng				
STT	Chỉ tiêu	TH 2017	TH 2018	TH 2018/TH2017
1	Tổng tài sản	2,339.00	427	(81.74)
2	Doanh thu thuần	1,679.00	1,099	(34.54)
3	Lợi nhuận sau thuế	(1,876.00)	(1,097)	(41.52)

Sau hơn gần 1 năm chính thức hoạt động, hoạt động kinh doanh của công ty vẫn còn lỗ do năng suất chưa cao nhưng phải đảm bảo tiền lương cho người lao động. Năm 2018, Hội Đồng Quản Trị công ty đã cân nhắc tạm ngưng hoạt động. Hiện tại công ty trong giai đoạn xử lý công nợ phải thu. Sau khi xử lý xong khoản phải thu sẽ tiến hành giải thể chấm dứt hoạt động.

#### • Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam (tên cũ: Công ty TNHH MTV MAY SÀI GÒN XANH)

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2018): 86.000.000.000 đồng - Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam đầu tư góp vốn 100% vốn vào Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ (Blue Saigon LLC)
- Tình hình hoạt động SXKD hợp nhất của Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam:

Đơn vị tính: triệu đồng				
STT	Chỉ tiêu	TH 2017	TH 2018	TH 2018/TH2017
1	Doanh thu thuần	196.893	232.616	18,14%
2	Giá vốn hàng bán	142.077	182.206	28,24%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	8	4	-50,00%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	39,806	30.788	-22,65%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15,018	19.626	30,68%
6	Lợi nhuận khác	92	43	-53,26%
7	Lợi nhuận trước thuế	15.110	19.669	30,17%
8	Lợi nhuận sau thuế	11.265	17.230	52,95%

### Đầu tư vào công ty liên kết

#### • Công ty cổ phần Phú Mỹ

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2018): 4.341.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 32,47% vốn điều lệ

### Các khoản đầu tư tài chính

#### Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á

- Số cổ phần: 207.701 cổ phần
- Giá trị gốc đầu tư: 3.998.050.000 VNĐ (trích lập dự phòng khoản đầu tư: 2.959.545.000 VNĐ).
- Giá trị hợp lý: 1.038.505.000 VNĐ.

#### Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam

- Số cổ phần: 25.266 cổ phần.
- Giá trị gốc đầu tư: 1.269.730.000 VNĐ.

#### Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Gia Định

- Số cổ phần: 843.950 cổ phần
- Giá trị gốc đầu tư: 10.127.400.000 VNĐ.

**Thay đổi tình hình đầu tư tài chính:** Trong năm công ty đã thoái vốn khoản đầu tư có giá trị 1.919.150.000 đồng tại Công ty cổ phần da giày Sagoda.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2018/ Năm 2017
Tổng giá trị tài sản	908.284	1.010.674	11,27%
Doanh thu thuần	1.605.048	2.038.901	27,03%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	61.984	138.900	124,09%
Lợi nhuận khác	12.827	2.562	(80,03%)
Lợi nhuận trước thuế	74.811	141.462	89,09%
Lợi nhuận sau thuế	58.579	120.399	105,53%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	30%	-

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
1	Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1,21	1,28
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,72	0,80
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	64,74	62,34
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	183,59	165,55
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,44	6,00
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,79	2,13
<b>IV</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,65	5,91
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	19,57	34,36
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,54	12,55
4	Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	%	3,86	6,81



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

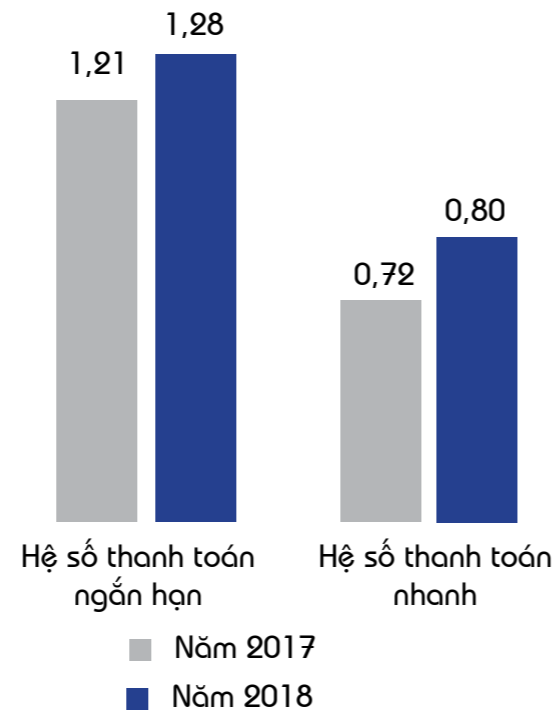
## Chỉ số khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của doanh nghiệp lần lượt đạt 1,28 lần và 0,80 lần, ở mức cao so với trung bình ngành. Năm 2018 các hệ số tăng đột biến nhờ tiền ngân hàng ghi nhận trong năm và khoản phải thu tăng cao. Khoản phải thu còn tồn đọng ở năm trước của các đơn vị liên quan đã được thu hồi và trích lập dự phòng trong năm và khoản phải thu từ khách hàng truyền thống có khả năng thu hồi cao.

Hệ số thanh toán nhanh thấp hơn khá nhiều so với Hệ số thanh toán ngắn hạn cho thấy sự phụ thuộc vào Hàng tồn kho của Công ty nhưng xét trên đặc thù lĩnh vực sản xuất thì chỉ tiêu này là hợp lý. Mức tăng của Hệ số thanh toán nhanh đang lớn hơn mức tăng của Hệ số thanh toán ngắn hạn cho thấy khả năng hoàn trả các khoản nợ mà không cần bán hàng tồn kho cao hơn.

## KHẢ NĂNG THANH TOÁN

ĐVT: Lần



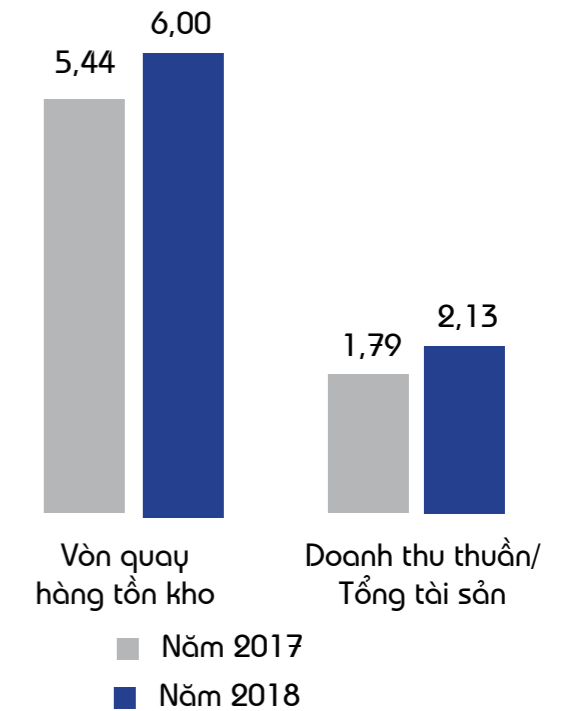
## Chỉ số năng lực hoạt động

Vòng quay Hàng tồn kho đạt 6,00 vòng, số ngày tồn kho giảm 7 ngày so với cùng kỳ năm 2017. Vòng quay Hàng tồn kho xét trên chỉ tiêu Hàng tồn kho cuối năm (thời điểm tích trữ nguyên liệu chuẩn bị cho đơn hàng năm 2019), cuối năm 2018 hàng tồn kho cao hơn so với cùng kỳ do công ty có những đơn hàng sản xuất sớm phục vụ cho xuất hàng trước tết âm lịch.

Vòng quay Tổng tài sản đạt 2,13 cùng với xu hướng doanh thu tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kép 7,66% cho thấy Công ty đang sử dụng tài sản rất hiệu quả.

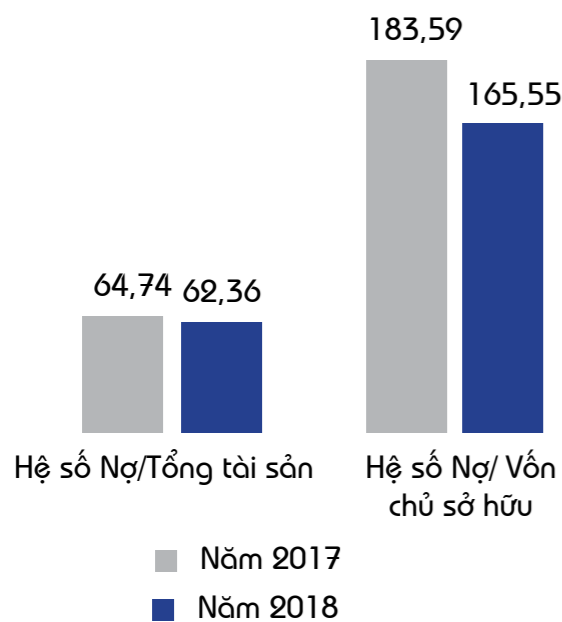
## NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

ĐVT: Vòng



## CHỈ SỐ ĐÒN BẨY TÀI CHÍNH

ĐVT: %



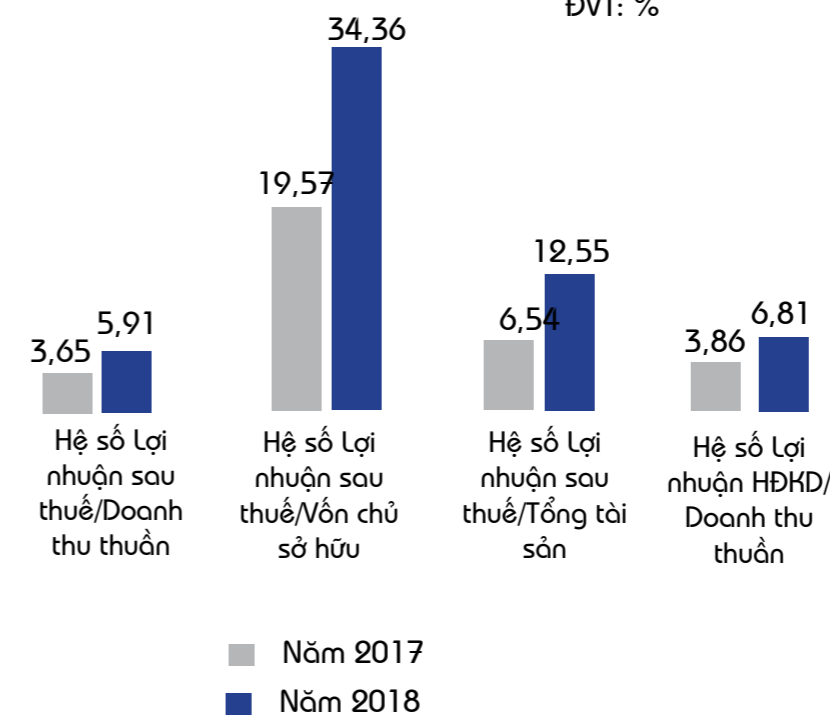
## Chỉ số đòn bẩy tài chính

Về cơ cấu vốn, hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2017, lần lượt đạt 62,34% và 165,55%.

Hệ số Nợ/Tổng tài sản cho thấy tài sản của Công ty đang được tài trợ chủ yếu bằng nợ, nhưng khả năng thực hiện nghĩa vụ nợ của Công ty vẫn cao thể hiện qua Hệ số khả năng chi trả lãi vay trung bình 5 năm đều trên 10. Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm trong bối cảnh Công ty không có hoạt động đầu tư mở rộng sản xuất là hợp lý. Nhìn chung, duy trì cơ cấu vốn ở mức hiện tại là khác hợp lý và sẽ làm giảm áp lực trả nợ của Công ty.

## KHẢ NĂNG SINH LỜI

ĐVT: %



## Chỉ số khả năng sinh lời

Xét trong thời gian 05 năm trở lại, Công ty luôn nằm trong nhóm các doanh nghiệp có khả năng sinh lời cao nhất trong ngành may mặc. Năm 2018, Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng ấn tượng hơn 105,53%. Để đạt mức tăng trưởng này Công ty đã thực hiện quá trình cải cách quy trình, áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất khiến chi phí sản xuất giảm xuống và giảm trích lập dự phòng lương. Đáng lưu ý, mức tăng trưởng này chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi theo đó phản ánh được hiệu quả kinh doanh rất tốt của Công ty.

# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## Cổ phần

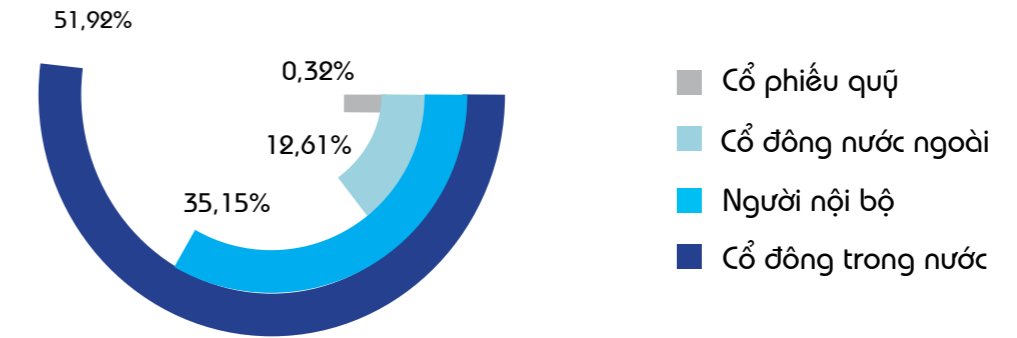
Thông tin cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2018:

- **Tổng số cổ phiếu phát hành:** 15.555.620 cổ phiếu
- **Cổ phiếu quỹ:** 49.260 cổ phiếu
- **Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:** 15.506.360 cổ phiếu
- **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông
- **Mệnh giá:** 10.000 VND
- Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

## Cơ cấu cổ đông

	Số CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
<b>Người nội bộ</b>	<b>8.077.060</b>	<b>8.077.060</b>	<b>51,92%</b>
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>49.260</b>	<b>49.260</b>	<b>0,32%</b>
<b>Cổ đông khác</b>	<b>7.429.300</b>	<b>7.429.300</b>	<b>47,76%</b>
Cổ đông trong nước	5.467.720	5.467.720	35,15%
- Cá nhân	2.282.621	2.282.621	14,67%
- Tổ chức	3.185.099	3.185.099	20,48%
Cổ đông nước ngoài	1.961.580	1.961.580	12,61%
- Cá nhân	986.862	986.862	6,34%
- Tổ chức	974.718	974.718	6,27%
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.555.620</b>	<b>15.555.620</b>	<b>100%</b>

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG





## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Danh sách cổ đông lớn

STT	Cổ đông lớn	Số ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
<b>I. Cổ đông lớn</b>						
1	Công ty cổ phần đầu tư T.T.A	0315279901	25/01/2019	Tầng 2, Hà Đô Airport Building, Số 2 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM	1.572.340	10,11%
2	Công ty cổ Phần Dệt May Gia Định	0300744507	05/08/2016	10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM	1.564.385	10,06%
3	Công Ty cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Và Đầu Tư Thừa Thiên Huế	3300101484	10/01/2017	93 An Dương Vương, P, An Đông, TP.Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	1.492.404	9,59%
4	Công Ty cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Và Đầu Tư Thừa Thiên Huế	3300101484	10/01/2017	93 An Dương Vương, P, An Đông, TP.Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	1.492.404	9,59%

STT	Cổ đông lớn	Số ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
<b>II. Nhóm cổ đông</b>						
1	Lâm Tử Thanh	21841229	19/07/1996	186 Thái Phiên, P,8, Q,11, Tp,HCM	1.691.530	10,87%
	Sở hữu cá nhân				817.910	5,26%
	Đại diện Công Ty TNHH TM Á Châu	46810	27/01/1992	6 Trần Quang Diệu, P,13,Q,3, Tp,HCM	436.810	2,81%
	Đại diện - Công Ty TNHH Tân Á	49523	22/04/2001	90 Quốc lộ 1A Xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, Long An, Số 6 Đặng Tất, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM	436.810	2,81%
2	Bùi Tuấn Ngọc	001065013640	15/06/2018	Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM	3.185.524	20,48%
	Sở hữu cá nhân				-	-
	Đại diện sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	0300989419	01/04/2010	56 Phạm Ngọc Thạch, P,6, Q,3, TpHCM	2.458.454	15,80%
	Đại diện sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	0309587030	19/11/2009	56 Phạm Ngọc Thạch, P,6, Q,3, TP.HCM	727.070	4,67%
<b>Tổng Cộng</b>					<b>9.506.183</b>	<b>61,11%</b>

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm, Công ty không thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

### Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

### Các chứng khoán khác:

Trong năm, Công ty không phát sinh bất cứ giao dịch chứng khoán nào.

# 03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2018
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI
- BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG







## MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2018

Trong năm 2018, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tuy thuận lợi nhưng gặp nhiều sức ép từ sự giảm giá của khách hàng, song với sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể Người lao động, Công ty đã không ngừng phân bổ năng lực phù hợp, củng cố, hoàn thiện mô hình sản xuất và hệ thống nhằm tiết giảm chi phí. Kết quả doanh thu vẫn đảm bảo ổn định, năng suất lao động tăng, cơ bản hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra. Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	TH 2018/ TH2017
1	Tổng giá trị tài sản	908.284	1.010.674	11,27%
2	Tài sản ngắn hạn	655.451	778.442	18,76%
3	Hàng tồn kho	266.579	291.442	9,33%
4	Tổng nợ	588.004	630.076	7,16%
5	Nợ ngắn hạn	540.956	609.381	12,65%
6	Vốn chủ sở hữu	320.280	380.597	18,83%
7	Doanh thu thuần	1.605.048	2.038.901	27,03%
8	Lợi nhuận trước thuế	74.811	141.462	89,09%
9	Lợi nhuận sau thuế	58.579	120.399	105,53%

Để đạt được kết quả tăng trưởng trên là sự nỗ lực, tinh thần trách nhiệm của mọi thành viên trong Công ty. Trong đó có vai trò của định hướng của Hội Đồng Quản Trị, điều hành của Ban Giám đốc và sự nỗ lực của tập thể Người lao động trong hoạt động SXKD với thái độ làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, thể hiện qua các giải pháp:

- Chính sách “Thâm dụng đầu tư thay cho thâm dụng lao động” được thực hiện xuyên suốt trong nhiều năm.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình sản xuất chuyển Lean kết hợp kỹ năng quản lý 5S đầy mạnh trong toàn hệ thống công ty.
- Nâng cao kỹ năng trong lao động trực tiếp và gián tiếp, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch công nghệ.
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, bồi dưỡng chăm sóc nguồn nhân lực với phương châm “Lao động là vốn quý”.
- Tiếp tục thực hành chính sách tiết kiệm trong từng lĩnh vực, giảm thiểu phát sinh những chi phí không cần thiết.
- Thường xuyên theo dõi gắt gao, chủ động ứng phó với diễn biến thị trường để có quyết sách thích hợp





## MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2018

### Doanh thu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính: triệu đồng		
		2016	2017	2018
1	Doanh thu xuất khẩu	1.571.443	1.571.597	2.020.718
2	Doanh thu nội địa	39.936	33.451	18.183
3	Doanh thu hoạt động tài chính	9.722	5.630	17.133
4	Thu nhập khác	4.767	14.826	2.913
	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.625.868</b>	<b>1.625.504</b>	<b>2.058.947</b>

Năm 2018, tổng doanh thu toàn Công ty ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc hơn 26,62% so với năm 2017. Đóng góp lớn nhất vào mức tăng này vẫn đến từ hoạt động cốt lõi của Công ty. Doanh thu xuất khẩu tăng do Công ty dần khẳng định được vị thế với khách hàng, từ đó giúp tăng khả năng chủ động phân bổ đơn hàng sản xuất trong năm. Kết quả là khắc phục được tình trạng “hụt hàng” vào mùa thấp điểm – các tháng đầu năm là điểm rơi doanh thu của Công ty. Tỷ trọng doanh thu nội địa đang giảm dần do Công ty đang tập trung vào phát triển thị trường xuất khẩu, cụ thể là mảng kinh doanh FOB. Doanh thu tài chính tăng do Công ty chuyển nhượng hoàn toàn cổ phần tại CTCP Da giày Sagoda.

Tổng quát có thể thấy, Công ty đang cắt giảm dần các hoạt động khác để chỉ tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

### Chi phí sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính: triệu đồng		
		2016	2017	2018
1	Giá vốn hàng bán	1.336.254	1.344.066	1.675.340
2	Chi phí tài chính	18.607	12.263	22.523
3	Chi phí bán hàng	46.980	50.536	63.350
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	148.299	141.830	156.212
5	Chi phí khác	31	1.999	351

Tổng kết năm 2018, hầu hết các khoản chi phí của Công ty đều tăng trong đó chi nguyên vật liệu tăng mạnh nhất hơn 30,33%. Xét trong bối cảnh các khoản chi còn lại đều chỉ tăng ở mức thấp, doanh thu thuần tăng 27,03% và đặc thù sản xuất kinh doanh thì mức tăng chi nguyên liệu này là hợp lý.

Đáng lưu ý là khoản Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm dần trong 03 năm trở lại đây cho thấy hệ thống kiểm soát năng lực và hiệu suất làm việc tại từng vị trí (KPI) của Công ty đã mang lại hiệu quả.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

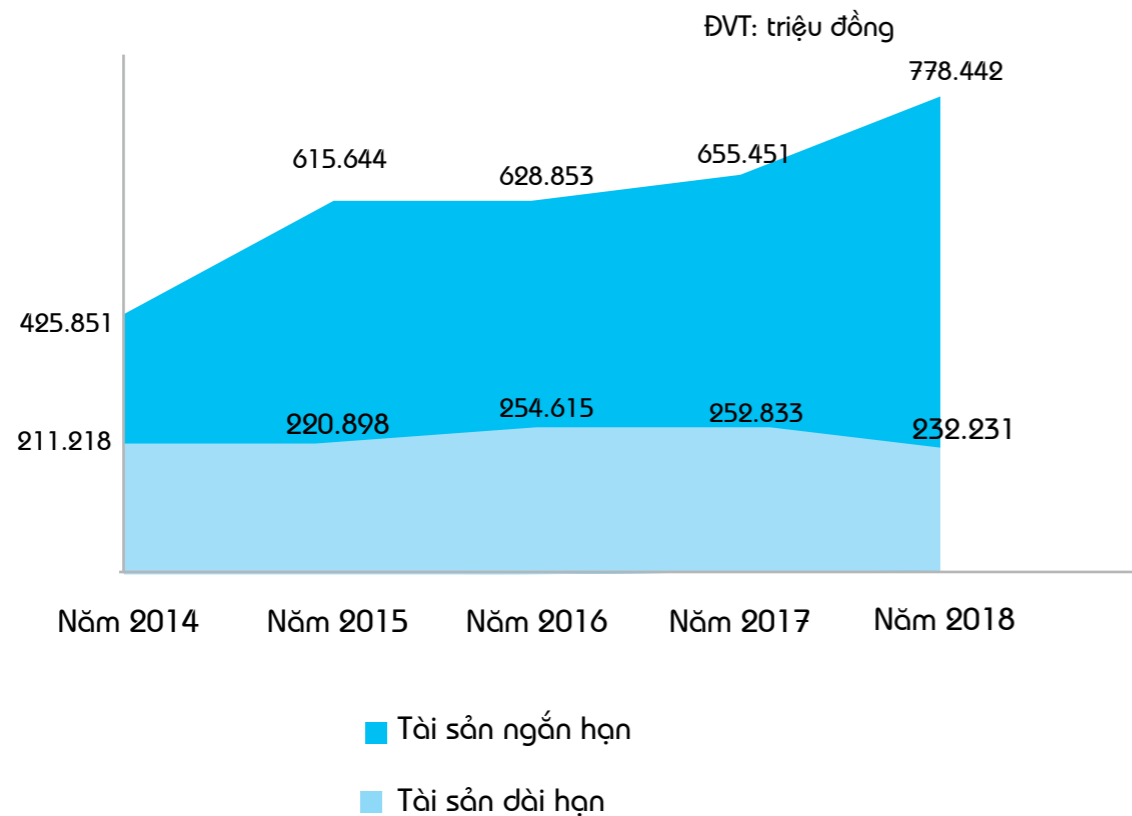
## Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng						
STT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
1	Tài sản ngắn hạn	425.851	615.644	628.853	655.451	778.442
2	Tài sản dài hạn	211.218	221.070	254.615	252.833	232.231
<b>Tổng tài sản</b>		<b>637.069</b>	<b>836.714</b>	<b>883.468</b>	<b>908.284</b>	<b>1.010.674</b>

Trong cơ cấu tài sản của Công ty, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất và duy trì xu hướng tăng dần qua mỗi năm. Năm 2018, ghi nhận giá trị cao nhất của tài sản ngắn hạn. Giá trị này cấu thành từ mức tăng của khoản thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư hơn 5 tỷ tại CTCP Da giầy Sagoda, tăng hàng tồn kho do tăng nguyên vật liệu chuẩn bị cho chu kỳ sản xuất 2019 và tăng khoản phải thu khách hàng.

Kết thúc năm 2018, khách hàng nội địa đã thanh toán hầu hết các khoản nợ từ năm 2017. Đối với khoản phải thu từ khách hàng nước ngoài ghi nhận mức tăng 55,71%, tuy nhiên đây là những khách hàng lâu năm nên khả năng thu hồi cao.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN TRONG 2014 - 2018



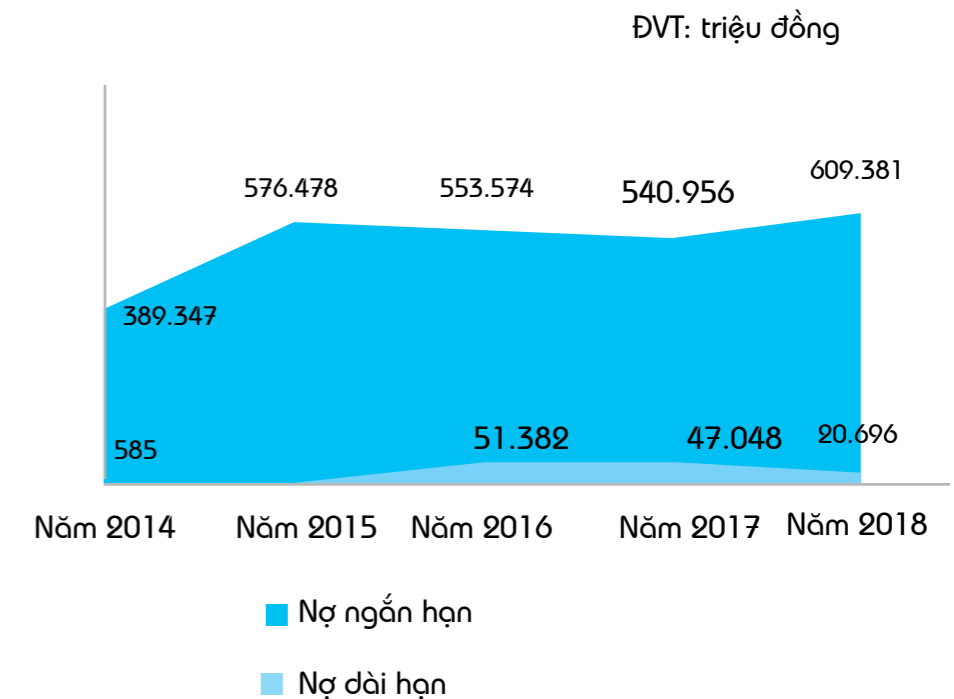
## Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng						
STT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
1	Nợ ngắn hạn	389.347	576.478	553.574	540.956	609.381
2	Nợ dài hạn	585	-	51.382	47.048	20.696
3	Vốn chủ sở hữu	247.137	260.236	278.513	320.280	380.597
<b>Tổng nguồn vốn</b>		<b>637.069</b>	<b>836.714</b>	<b>883.469</b>	<b>908.284</b>	<b>1.010.674</b>

Từ số liệu 05 năm có thể thấy Công ty chủ yếu sử dụng nợ ngắn hạn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh nên việc quản trị vốn lưu động đóng vai trò rất quan trọng.

Nguồn tài trợ vốn lưu động chủ yếu từ nguồn vay ngắn hạn và nguồn vốn chiếm dụng của khách hàng. Vốn lưu động ròng đều dương và tăng qua các năm cho thấy doanh nghiệp có thể chi trả các khoản nợ ngắn hạn trong kỳ. Tuy nhiên, chỉ tiêu vòng quay vốn lưu động giảm dần qua các năm là một diễn biến Công ty cần lưu ý khi có chính sách tăng vay vốn.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ TRONG 2014 - 2018



Đơn vị tính: triệu đồng						
STT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
1	Vốn lưu động ròng	36.505	39.166	75.280	114.496	169.061
2	Vòng quay vốn lưu động	31,99	39,70	28,16	14,02	12,06



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



### Cơ cấu tổ chức

- Năm 2018 là năm mô hình sản xuất chuyển Lean được hoàn thiện và nhân rộng toàn Công ty. Theo đó mô hình LEAN 5S tiếp tục trở thành mô hình tạo nên sự khác biệt và đặc trưng cạnh tranh của Công ty.
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được Công ty coi trọng và xem đó là nền tảng cho sự phát triển lâu dài. Hoạt động đào tạo nâng cao đội ngũ quản lý và công nhân sản xuất từng bước mang lại hiệu quả sản xuất: năng suất lao động tăng, tiết kiệm chi phí, thời giờ làm việc giảm, thu nhập người lao động tăng và ổn định lao động.
- Thời giờ làm việc đối với khối nghiệp vụ được điều chỉnh linh hoạt và chính sách tiền lương chi trả theo năng lực làm việc tạo động lực giúp người lao động tăng năng suất, làm việc hiệu quả cao.

### Chính sách hoạt động

- Duyệt chính sách lương theo năng lực và hiệu quả lao động là giải pháp quan trọng để động viên khuyến khích người lao động trong việc thực thi trách nhiệm quyền hạn, kỹ năng làm việc, quản lý.
- Tiếp tục thực hiện chính sách "Thâm dụng đầu tư thay cho thâm dụng lao động" song hành cùng với đó là tôn chỉ "Lao động là vốn quý".
- Thực hiện chính sách giảm thời giờ làm việc, nhưng vẫn đảm bảo thu nhập của người lao động.
- Mô hình Lean 5S giúp nâng cao năng suất lao động, giảm thời giờ làm việc

### Công tác quản lý Công ty

- Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, quyền tự do bình đẳng, và chăm lo sức khỏe nghề nghiệp. Không ngừng cải thiện môi trường làm việc, mang lại cho nhân viên cơ hội học tập và phát triển, cùng các chính sách phúc lợi và thu nhập ưu đãi.
- Cơ chế lương "mềm", nhân viên có thành tích nổi trội được nâng bậc thu nhập và đề bạt vào các chức danh quản lý.





## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2019 được Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty kỳ vọng là năm bản lề để hoạch định và chuẩn bị tiền đề cho giai đoạn phát triển 05 năm (2020-2024). Cụ thể các mục tiêu kế hoạch của Công ty trong thời gian tới như sau:

Thời gian	Chỉ tiêu	Giá trị
Năm 2019	Doanh thu	1.900.000.000.000 VND
	Lợi nhuận trước thuế	78.000.000.000 VND
	Cổ tức	20% - 30%
	Chuyển nợ	69 chuyển nợ
Giai đoạn 5 năm 2020 - 2024	Doanh thu	Tăng trưởng bình quân 20%/năm (năm 2024 đạt mức doanh thu trên 200 triệu USD)
	Chuyển nợ	150 chuyển nợ

Để hoàn thành những mục tiêu kế hoạch trên, những năm tiếp theo Công ty sẽ tập trung vào các nội dung hoạt động sau:

- Phát triển thị trường, tìm kiếm khách hàng mới và gia tăng chuyển sản xuất cho các khách hàng hiện tại
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực: với phương châm con người là yếu tố cốt lõi hàng đầu, Công ty chú trọng vào các chính sách, chế độ chăm lo đời sống cho CBCNV; thúc đẩy công tác đào tạo – tự đào tạo; tất cả CBCNV đều được quan tâm tạo điều kiện để phát triển, phát huy tối đa năng lực và có thu nhập xứng đáng với tâm sức, đóng góp của mình.
- Mỗi CBCNV đều là một nhà tuyển dụng, đều có thể tham gia góp phần phát triển mở rộng hệ thống công nhân, nhà máy trên cơ sở “cùng làm việc - cùng chia sẻ thành công”.
- Xây dựng và cải thiện môi trường làm việc lành mạnh.
- Đầu tư máy móc thiết bị để tăng năng suất cho người lao động.
- Đẩy mạnh cải tiến trong sản xuất để tăng năng suất lao động của Công ty, khuyến khích sáng kiến, cải tiến trong mọi hoạt động SXKD hàng ngày.
- Thắt chặt mối quan hệ hợp tác với các khách hàng hiện tại, mở rộng hệ thống khách hàng tiềm năng mới.
- Đảm bảo thực hiện những cam kết đối với khách hàng và người lao động



# BÁO CÁO

## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

---





## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

### Tiêu thụ năng lượng

Tổng năng lượng tiêu thụ trực tiếp:

STT	Tổng năng lượng sử dụng	Đơn vị	2016	2017	2018
1	Tổng lượng điện tiêu thụ	Kw-h	5.202.081	5.342.395	5.716.337
2	Tổng lượng gas tiêu thụ	Kg	44.312	44.704	49.757
3	Tổng lượng dầu tiêu thụ	Lít	4.500	1.400	24.457
4	Tổng lượng xăng tiêu thụ	Lít			12.890
5	Tổng lượng than tiêu thụ	Kg	424.380	341.959	341.564

Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: Tổng lượng xăng, dầu xe phục vụ cho hoạt động gián tiếp của Công ty trong năm 2018 là 31.372 lít.

Từ số liệu có thể thấy các chỉ tiêu tiêu thụ năng lượng của Công ty đều tăng so với năm 2017. Tuy nhiên, xem xét trên các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh đều tăng trưởng vượt bậc thì mức tăng năng lượng tiêu thụ này là khá thấp.

Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

- Năng lượng điện: Công ty giảm lượng điện tiêu thụ nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả sản xuất bằng các sáng kiến:

- Sử dụng bóng đèn chiếu sáng led thay thế cho bóng đèn điện huỳnh quang thông thường.
- Thay thế dần các máy một kim thể hệ cũ bằng máy một kim cắt chỉ tự động (moter điện tử) ít hao điện hơn.
- Định kỳ lau chùi đèn để tăng độ chiếu sáng.
- Sử dụng hợp lý các thiết bị tiêu hao điện
- Vận hành hệ thống làm mát nhà xưởng theo quy định.
- Thay thế các thiết bị sản xuất cũ tiêu hao điện nhiều bằng các thiết bị mới tiết kiệm điện.

Sáng kiến này đã được áp dụng cho tất cả các đơn vị trực thuộc của Công ty. Tiết kiệm được năng lượng sử dụng từ 5% đến 7%.

- Trong năm công ty có đầu tư hệ thống điện sử dụng năng lượng mặt trời sản xuất điện vận hành từ cuối tháng 9 đến tháng 12 sản xuất được 36.748 kwh

- Năng lượng xăng, dầu: Lập kế hoạch giảm thiểu lượng xăng, dầu. Dự tính tuyến đường lưu chuyển hợp lý hơn. Dự kiến cắt giảm khoảng 4% tương ứng với 1.255 lít xăng dầu phục vụ hoạt động gián tiếp của DN

### Tiêu thụ nước

STT	Các nguồn nước	Tổng lượng nước thu về/ đạt được (ĐVT: lít)
1	Nước ngầm	34.398
2	Nước Thủity cục	22.287
<b>Tổng cộng</b>		<b>56.685</b>

Do đặc thù hoạt động Công ty chỉ nhập vải nguyên liệu về, không có hoạt động dệt, nhuộm nên lượng nước sử dụng chỉ dùng cho mục đích sinh hoạt. Tổng lượng nước tiêu thụ trong năm: 70.855 lít. Công ty chưa có quy trình tái chế sử dụng nước thải. Do đó, Công ty không có lượng nước thải được tái chế sử dụng.

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường. Nhờ vậy trong thời gian qua Garmex Saigon chưa vi phạm bất kỳ quy định nào của Pháp luật liên quan đến vấn đề này.



## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động trong năm: 4.118 người.

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Mức lương trung bình (ĐVT: Triệu đồng/người)
<b>I</b>	<b>Theo giới tính:</b>	<b>4.118</b>	
	Nam	1.062	12.307.885
	Nữ	3.056	10.828.472
<b>II</b>	<b>Theo hợp đồng lao động:</b>	<b>4.118</b>	-
	Toàn thời gian	4.118	11.177.892
	Bán thời gian	-	-
<b>III</b>	<b>Theo trình độ:</b>	<b>4.118</b>	-
	Đại học	170	15.096.632
	Cao đẳng	200	12.255.297
	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	500	10.527.825
	Phổ thông	3.248	8.400.000







## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Công tác chăm lo người lao động

Tại Công ty, nguồn nhân lực con người luôn được xem là yếu tố trọng tâm, là vốn quý. Theo đó, các chính sách nhân sự của Công ty từng bước hoàn thiện và mang lại những kết quả đáng ghi nhận trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể các công tác chăm lo cho người lao động:

#### An toàn lao động

- Luôn tiến hành đánh giá môi trường, rủi ro tại từng vị trí công việc cụ thể. Từ đó có các biện pháp tương ứng, cung cấp bảo hộ lao động để giảm thiểu rủi ro, phòng tránh tai nạn lao động và giảm nguy cơ bệnh nghề nghiệp.
- Các bộ phận nguy hiểm của máy móc thiết bị đều có trang thiết bị bao che phù hợp. Thực hiện bảo trì bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị, máy móc để đảm bảo vận hành tốt và an toàn.
- Kiểm tra định kỳ hàng tháng các vấn đề liên quan đến an toàn lao động để phát hiện và khắc phục kịp thời.
- Kiểm định định kỳ đối với các loại máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Tổ chức cho người lao động tham gia các khóa huấn luyện về PCCC, ATLD... theo đúng yêu cầu của pháp luật.
- Đào tạo nội bộ cho công nhân mới tuyển và đào tạo lặp lại định kỳ hàng năm để nâng cao nhận thức của công nhân về an toàn lao động, các tiêu chuẩn và nội quy công ty.

#### Lương, thưởng, phúc lợi

- Các chính sách Lương, thưởng và chế độ đãi ngộ, trợ cấp... cho người lao động luôn được xem xét và giải quyết thỏa đáng.
- Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho cán bộ công nhân viên được tổ chức công bằng, thực hiện phân chia thu nhập theo năng lực công tác, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.
- Đối với khối gián tiếp văn phòng: Công ty đang từng bước hoàn thiện mô hình trả lương 3P (Position – Person – Performance) đây là giải pháp quan trọng để tăng năng suất lao động của từng cá nhân, đồng thời động viên khuyến khích người lao động trong việc thực thi trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ. Từ đó tạo ụ thức tự giác nâng cao kỹ năng làm việc, sáng tạo đưa ra ụ tưởng rút ngắn quy trình sản xuất, tạo thêm nhiều giá trị gia tăng.
- Đối với khối trực tiếp sản xuất công ty áp dụng mô hình Lean 5S với mục đích rút ngắn thời gian làm việc tăng năng suất lao động nhưng vẫn đảm bảo lương và thu nhập cho người lao động.
- Tất cả cán bộ công nhân viên đều được đóng bảo hiểm xã hội (BH ự tế, BH xã hội, BH thất nghiệp) theo quy định và đảm bảo các quyền lợi theo Bộ Luật lao động, Công ty luôn cam kết bảo đảm đầy đủ các quyền lợi về tinh thần, vật chất cho người lao động theo quy định của Pháp luật và thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty chi thêm trên 446 triệu đồng để mua bảo hiểm tại nạn và chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

### Các chương trình chăm sóc sức khỏe người lao động

- Kết hợp cùng với Công đoàn, và Đoàn thanh niên, Công ty luôn tiến hành chăm lo đời sống cho người lao động, tổ chức bếp ăn công nghiệp, định kỳ đánh giá chất lượng bếp ăn thông qua khảo phiếu khảo sát mức độ hài lòng để có bước cải thiện kịp thời và có chính sách tăng cường cải thiện suất ăn phù hợp với từng thời điểm.
- Vào các ngày lễ Công ty chăm lo thêm bữa ăn nhẹ cho người lao động – Tổng số tiền 206.159.000 đồng. Vào dịp tết Nguyên Đán, Công đoàn tổ chức họp mặt cuối năm cho các Công nhân ăn tết xa nhà, tặng quà cho đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức xe về quê ăn tết – Tổng số tiền 166.299.595 đồng
- Công ty còn hỗ trợ các Công nhân gặp khó khăn đột xuất, hỗ trợ tiền xăng và gửi trẻ cho người lao động – Tổng cộng 9.897.380.858 đồng, hỗ trợ công nhân nữ đơn thân nuôi con – Tổng cộng 291.761.538 đồng
- Sửa chữa cải tạo lại nhà ăn Xí nghiệp An Phú – Tổng chi phí hơn 2 tỷ đồng. Người lao động gặp khó khăn đột xuất công ty chi hỗ trợ từ 500.000 đồng trở lên. Hàng năm vào dịp tết Nguyên Đán ngoài chính sách chăm lo tết chung công ty còn hỗ trợ công nhân có hoàn cảnh khó khăn 1.000.000 đồng để góp phần giảm bớt lo toan ngày tết cho người lao động.

Những chính sách trên là đòn bẩy tích cực tác động lớn đến doanh thu Công ty. Cụ thể, hiện tại Columbia Sportswear đang là khách hàng lớn nhất của Công ty, nhân hàng có Bộ phận Đánh giá sự Tuân thủ Trách nhiệm Xã hội (CR) với bộ tiêu chuẩn riêng. Các doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn sẽ được gia tăng số lượng đơn hàng.

Theo đó, hai năm liên tiếp Bộ phận CR của Columbia Sportswear đã tiến hành đợt kiểm tra không báo trước và hài lòng về sự tuân thủ của Xí nghiệp An Nhơn trực thuộc Công ty. Xí nghiệp được đánh giá mức "Acceptable" sau đợt đánh giá – mức liền kề mức đỉnh "Best in Class" trong hệ thống phân loại của Columbia Sportswear.

Kết quả đợt đánh giá đã chứng minh được những nỗ lực của Công ty nói chung và Xí nghiệp An Nhơn nói riêng trong việc tạo ra môi trường làm việc an toàn, hỗ trợ tối đa cho người lao động đạt được hiệu quả tốt nhất, đồng thời vẫn đảm bảo các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, trách nhiệm với cộng đồng xã hội. Ngoài ra, Xí nghiệp An Phú đã tham gia dự án khảo sát mức độ hài lòng của Người lao động của khách Columbia và cả hai năm Công ty đều đạt số điểm cao nhất trong nhóm 11 doanh nghiệp cung cấp sản phẩm FOB cho nhân hàng Columbia Sportswear. Đây là nỗ lực của CTCP Sản xuất Thương mại May Sài Gòn nhằm giữ chân người lao động và nâng cao giá trị bền vững cho Công ty



## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG



### Công tác chăm lo đời sống cho lao động và thân nhân

Công ty ý thức rằng chăm lo người lao động không chỉ dừng lại ở đảm bảo tài chính mà còn về tinh thần và sức khỏe. Theo đó, trong năm 2018 Công ty đã thực hiện các hoạt động:

- Tổ chức các lớp chuyên đề, tập huấn, phổ biến về tầm quan trọng của dinh dưỡng. Trong ngày quốc tế Phụ nữ 08/03, Công ty còn tổ chức cuộc thi cắm hoa, nấu ăn và tặng quà chúc mừng cho chị em phụ nữ...
- Tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động do Công đoàn cấp trên tổ chức như Giải bóng đá Nam, Nữ, Giải Cầu lông, Thi thiết kế cắt may thời trang và hội thi văn nghệ. Trong những cuộc thi này, Công ty đã đạt được giải nhất thiết kế và trình diễn thời trang, giải nhì múa minh họa, tổng giá trị giải thưởng là 13 triệu đồng.
- Công đoàn cơ sở đề xuất tham dự giải thưởng Tôn Đức Thắng cho Bà Hoàng Thị Kim Dung và đạt giải, Nội dung " sáng kiến cải tiến trong sản xuất", Tổng giá trị giải thưởng 20.000.000đ.
- Đề xuất các cơ quan ban ngành tặng quà nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 01/06 cho 3.546 cháu thiếu nhi trong địa bàn Với số tiền 303.500.000. Ngoài ra, Công ty còn trao quà và học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho các bé có thành tích xuất sắc trong học tập với tổng chi phí 82.000.000đ.

### Công tác đào tạo, phát triển người lao động

Đào tạo để phát triển là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách nhân sự của Công ty. Tại Garmex Sài Gòn, mỗi vị trí sẽ có tiêu chuẩn đào tạo riêng. Cụ thể: Công nhân sản xuất được chú trọng đào tạo kỹ năng sản xuất, nhân viên nghiệp vụ được đào tạo các kỹ năng nghiệp vụ liên quan, cấp tổ trưởng được chú trọng đào tạo nâng cao khả năng, năng lực quản lý tùy vào cấp độ quản lý liên quan. Mỗi vị trí có tiêu chuẩn riêng nhưng đều trên một nền tảng chung là giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với công việc.

Niềm tự hào của Garmex Sài Gòn là ứng dụng hiệu quả mô hình LEAN 5S. Vì vậy, mỗi cá nhân của đại gia đình Garmex Sài Gòn đều phải hiểu và tuân thủ đúng mô hình hoạt động vì một mục tiêu chung là sự phát triển bền vững của Công ty. Trong năm Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ, tập huấn chuyên môn, tạo điều kiện cho người lao động hiểu thêm về mô hình hoạt động của Công ty - mô hình LEAN 5S, giúp người lao động mới làm quen với guồng máy lao động nhanh hơn, giúp người lao động cũ có cơ hội rèn luyện, thực hành theo đúng tinh thần của mô hình 5S.

Tổng Số giờ đào tạo người lao động tại Công ty trong năm 2018, đạt tổng cộng 66.848 giờ, với 4.178 người lao động tại Công ty, số giờ đào tạo bình quân là 16 giờ trên mỗi người lao động. Công ty còn cử nhân viên nghiệp vụ tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để nâng cao kỹ năng làm việc đáp ứng với điều kiện mới

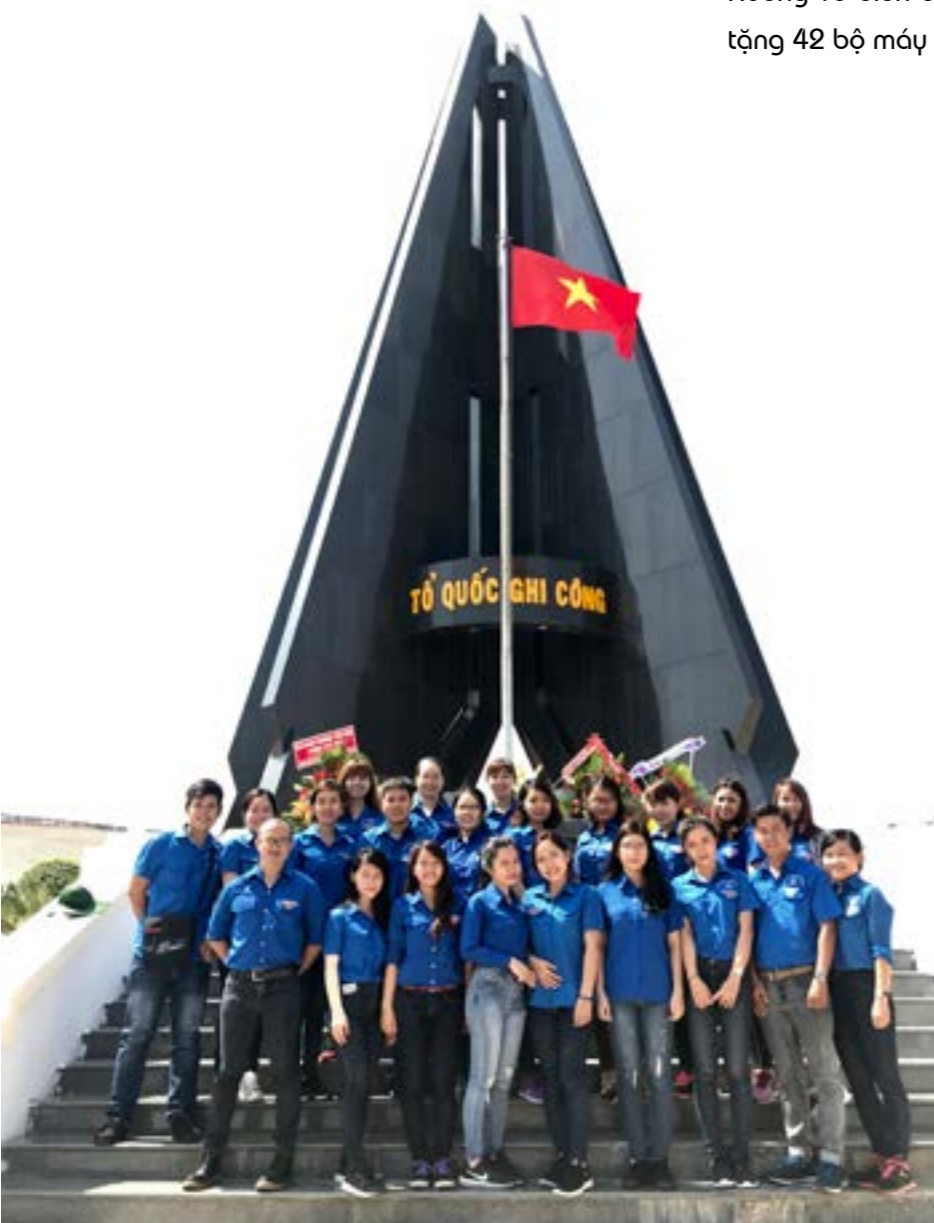




## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

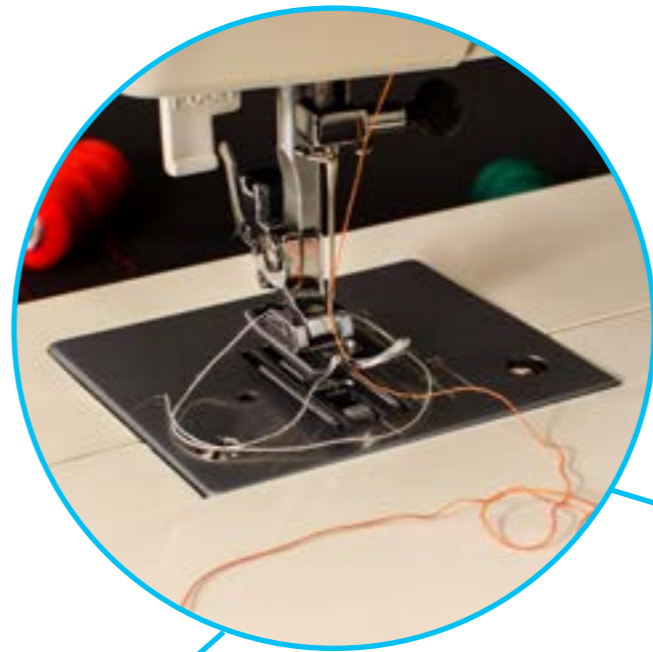
Phát triển bền vững không chỉ từ nội tại doanh nghiệp mà còn từ môi trường xã hội. Các hoạt động thiện nguyện không chỉ dừng lại ở xây dựng hình ảnh mà còn là tâm của Ban lãnh đạo Công ty luôn hướng đến cộng đồng xã hội vì mục tiêu chung ổn định và phát triển. Các hoạt động trong năm:

- Công ty còn thường xuyên thăm các trung tâm nuôi trẻ mồ côi tại Bến Tre với số tiền: 20.000.000 đồng, Thăm nhà các mẹ Việt Nam Anh Hùng ở Tỉnh Bến Tre định kỳ vào dịp cuối năm
- Ngoài ra hàng năm Công ty hỗ trợ chăm lo cho người nghèo, lao động có hoàn cảnh khó khăn, trên địa bàn Ủy ban Quận Gò Vấp, P.17, Quận Gò Vấp với số tiền: 20.000.000 đồng, Ủy Ban Nhân dân Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn với số tiền: 20.000.000 đồng
- Hướng về biển đảo, kết nghĩa với Lữ đoàn tàu ngầm 189, tặng 42 bộ máy vi tính với số tiền: 380.180.000 đồng.



# 04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

- ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI
- ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH NGÀNH DỆT MAY NĂM 2018
- ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2018
- ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
- CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





## ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI

Năm 2018, kinh tế thế giới có nhiều biến động. Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung tăng cao ngay trong nửa đầu năm 2018 làm đảo lộn cục diện kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng tiêu cực đến đà tăng trưởng chung. Thể hiện qua: giá cả hàng hóa leo thang, đầu tư giảm, kiểm soát xuất nhập khẩu khắt khe hơn, trong khi thị trường tài chính toàn cầu liên tục biến động.

Tại khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu (Eurozone), do những tác động của căng thẳng thương mại với Mỹ, cùng sự chia rẽ nội bộ ngày càng sâu sắc khiến châu Âu phải đối mặt với không ít khó khăn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình của Eurozone ước đạt 2% trong năm 2018.

Tốc độ tăng trưởng của các nền kinh tế mới nổi không đồng đều, một số nền kinh tế vẫn phải đối mặt với sức ép và rủi ro nhất định. Tuy nền kinh tế toàn cầu tiếp tục phục hồi, nhưng tính cân đối khi mở rộng kinh tế đã sụt giảm, chỉ số PMI sản xuất toàn cầu cũng đi xuống.

Dưới ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế - chính trị như tình hình thương mại toàn cầu có xu hướng thu hẹp, chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương trên thế giới trở lại bình thường và rủi ro địa - chính trị..., dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ suy giảm. Tại châu Á, các nền kinh tế mới nổi có độ phụ thuộc lớn vào dòng vốn đầu tư nước ngoài, sẽ gặp thách thức trong việc giữ ổn định tỷ giá và ngăn sự thoái vốn của nhà đầu tư nước ngoài.



## ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH NGÀNH MAY MẶC NĂM 2018

Mặc dù phải đối diện với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường và những biến động về địa chính trị trên thế giới, nhất là chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có xu hướng gia tăng nhưng ngành dệt may Việt Nam vẫn xuất sắc hoàn thành tổng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 36,1 tỷ USD, tăng hơn 16% so với năm 2017. Thực trạng ngành trong năm 2018:

- Xu hướng hoàn thiện chuỗi cung ứng của ngành gia tăng (thể hiện qua dòng vốn đầu tư vào công nghiệp dệt nhuộm và nguyên phụ liệu đang tăng lên) nhưng còn gặp nhiều thách thức từ rào cản chính sách cho đến năng lực công nghệ sản xuất và tài chính.
- Chi phí nhân công tăng theo chính sách tăng lương cơ bản vùng của Chính phủ.
- Các phương thức sản xuất mang lại giá trị gia tăng cao như FOB, OBM và ODM vẫn còn đang chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu sản xuất ngành may mặc Việt Nam
- Tuy thực trạng ngành may mặc Việt Nam đang chịu cạnh tranh từ các nước có chi phí nhân công rẻ nhưng năng suất, môi trường, nhà xưởng các quốc gia này không theo kịp Việt Nam nên số lượng đơn hàng vào Việt Nam vẫn đảm bảo ở mức tốt.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2018

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	TH 2017	KH 2018	TH 2018	TH 2018/ KH 2018	TH 2018/ TH 2017
Doanh thu thuần	Tr.đồng	1.611.379	1.605.048	1.700.000	2.038.901	19,94%	27,03%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	75.696	74.811	70.600	141.462	98,95%	87,76%
Tỷ lệ LNTT/DTT	%	4,7%	4,66%	4,15%	6,93%	66,98%	48,71%
Cổ tức/VĐL	%	30%	30%	30%	30%	-	-

- Ổn định việc làm, giảm thiểu thời gian chờ việc của người lao động, giảm chi phí hỗ trợ lương; tăng thu nhập, chăm sóc tốt đời sống vật chất tinh thần Người lao động do đó tình hình lao động ổn định mà thể hiện rõ nhất là Người lao động trở lại làm việc sau Tết 2018 đạt tỷ lệ trên 99%;
- Từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý, mô hình sản xuất mang tính khác biệt, Lean 5S, góp phần nâng cao năng suất lao động (so với cùng kỳ tăng 20,82% )
- Từng bước chuyển đổi thành công chiến lược sản xuất hàng hàm lượng kỹ thuật cao, củng cố, phát triển nguồn nhân lực bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống quản lý. Chiến lược bước đầu đã mang lại kết quả khả quan khi Khách hàng xác định hàng hóa phức tạp kỹ thuật, công nghệ hoặc sử dụng nguyên phụ liệu mới chỉ có thể sản xuất tại Garmex Sài Gòn;
- Tạo dựng thương hiệu xây dựng niềm tin nơi khách hàng. Tiếp tục xác lập vị thế với khách hàng truyền thống, gia tăng khả năng ưu tiên phân bổ đơn hàng sản xuất, góp phần ổn định sản xuất ngay từ đầu năm 2018, khắc phục tình trạng 'hụt hàng' trong mùa thấp điểm ;
- Hiện tại Công ty đang sở hữu phương thức kinh doanh FOB với hơn 10 khách hàng lớn và hiện nay đang hợp tác rất tốt. Năm 2017, công ty buộc phải từ chối một số đơn hàng vì không đủ khả năng sản xuất. Trong năm 2018, sau khi cải tiến, áp dụng công nghệ trong quy trình sản xuất, gia tăng năng suất lao động thì doanh thu xuất khẩu đã tăng trưởng đáng kể.
- Từng bước cắt giảm và đi đến chấm dứt hoạt động nhượng quyền tại Blue Saigon LLC, duy trì và phát triển mảng kinh doanh FOB.

### Hoạt động đầu tư dự án

Năm 2018 Công ty không triển khai dự án nào. Hầu hết các khoản đầu tư tài chính vẫn duy trì. Trong năm, Công ty đã bán toàn bộ khoản đầu tư tại CTCP Da giày Sagoda.

### Trách nhiệm với môi trường, xã hội, cộng đồng

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Garmex Saigon luôn nhận thức được vai trò của việc giữ gìn bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Thời gian qua, Công ty đã liên tục thực hiện các biện pháp hỗ trợ nhằm cải tạo môi trường, vệ sinh phong quang, cũng như đóng góp sức mình phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

Tuân thủ pháp luật về môi trường

Trong thời gian qua, Công ty đã:

- Chú trọng công tác đầu tư, dây chuyền sản xuất, đảm bảo an toàn đối với người lao động, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn chất lượng về môi trường, cũng như đáp ứng tốt yêu cầu của Khách hàng về chất lượng sản phẩm.
- Hệ thống xử lý chất thải cũng được Công ty quan tâm xem xét, đảm bảo xử lý tốt chất thải trong quá trình sản xuất trước khi thải ra môi trường, trong đó các loại chất thải được phân loại kỹ trước khi tiến hành xử lý, đưa ra môi trường.
- Hệ thống cấp nước tại Công ty đã được xử lý tách bỏ tạp chất, đảm bảo có thể uống được ngay từ bất kỳ vòi nước nào tại Công ty. Các nhà ăn tại các nhà máy thuộc Garmex Sài Gòn đều do các xí nghiệp tự vận hành và quản lý, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và sức khỏe cho người lao động tại Công ty

Success  
Ahead



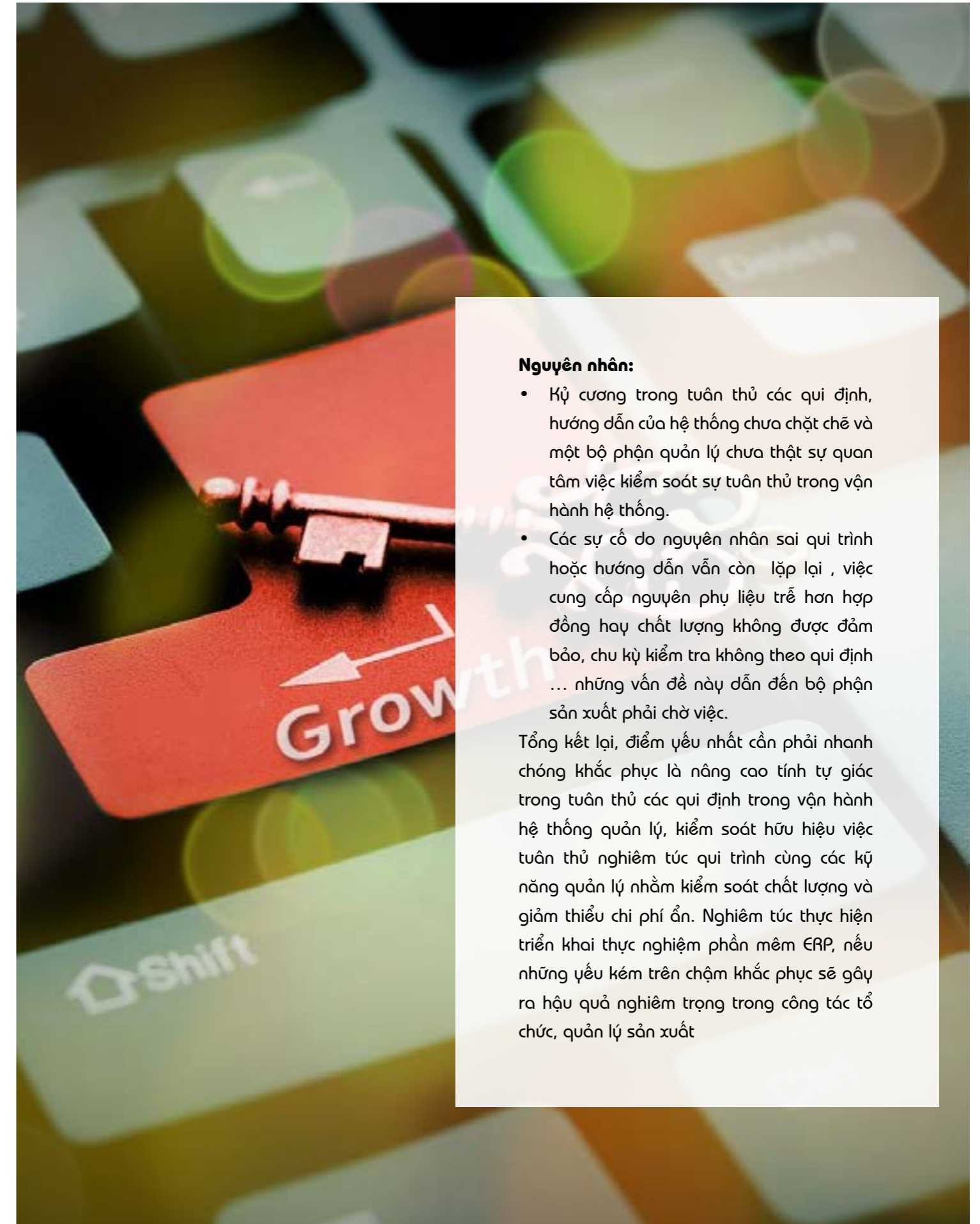
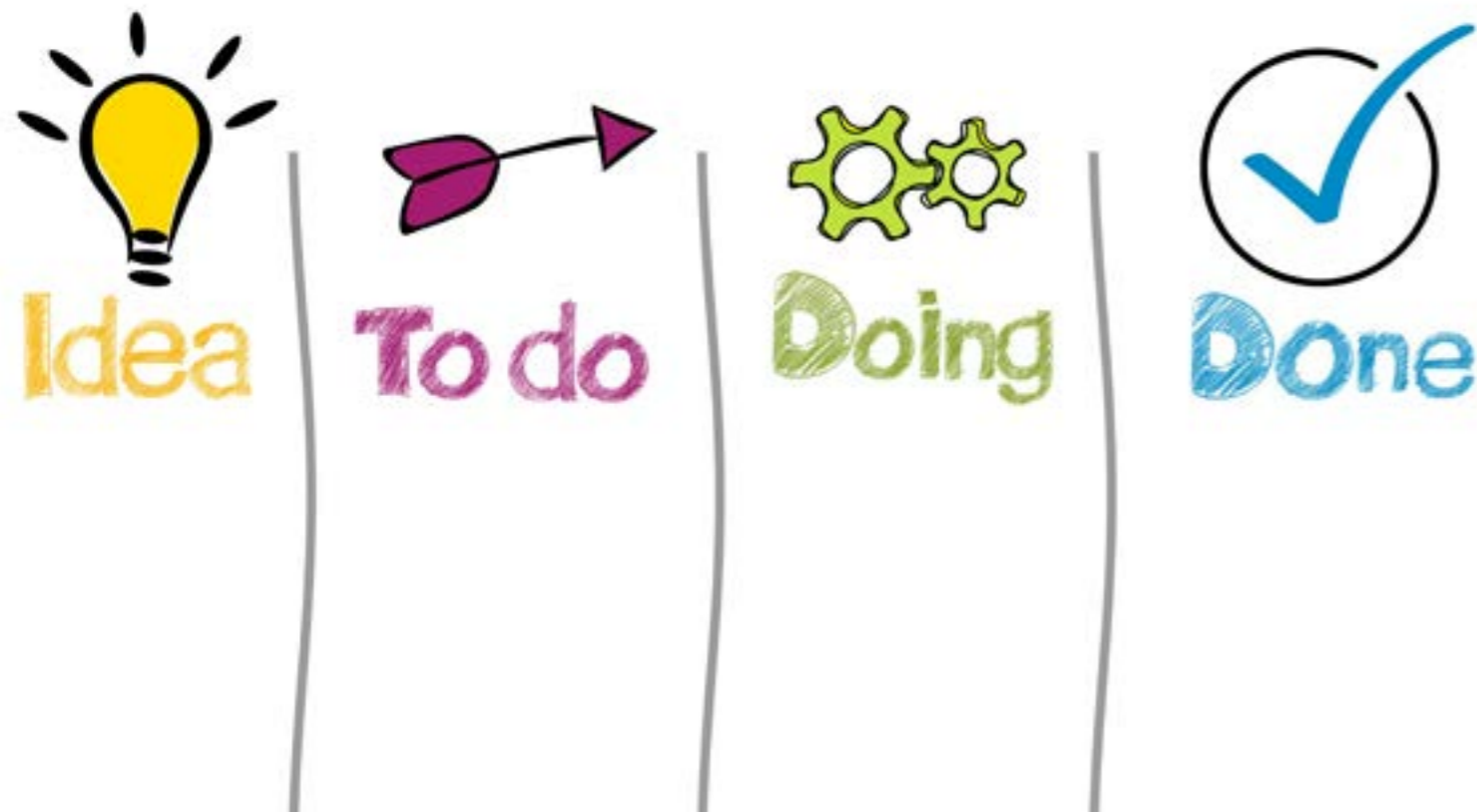
## ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

### Những mặt làm được

- Trong bối cảnh thị trường xuất khẩu chưa thật sự hồi phục, cạnh tranh về giá còn gay gắt, nhất là từ nguồn cung ở các thị trường mới xuất hiện (Cambodia, Miến Điện) nhưng Công ty vẫn xúc tiến tốt và củng cố vị thế đối với Khách hàng truyền thống, phân bổ năng lực phù hợp theo diễn biến thị trường xuất khẩu bên cạnh việc củng cố, hoàn thiện mô hình sản xuất và hệ thống nên vẫn đảm bảo ổn định doanh thu, tăng năng suất lao động, cơ bản hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao phó.
- Gia tăng vị thế và số lượng đơn hàng từ khách hàng lớn Columbia Sportswear.
- Mô hình LEAN 5S ngày càng hoàn thiện hơn

### Những mặt chưa làm được

- Chi phí ẩn vẫn chưa được chủ động kiểm soát, sai sót, phải khắc phục, chờ việc, xuất hàng không kịp tiến độ vẫn chưa khắc phục triệt để.
- Một số bộ phận còn thụ động, quản lý tác nghiệp, thừa hành hơn lãnh đạo, điều hành. Khi xảy ra sự cố chờ lãnh đạo phân tích, chỉ ra giải pháp, chưa chủ động giải quyết trong phạm vi trách nhiệm đã được phân công.



### Nguyên nhân:

- Kỷ cương trong tuân thủ các qui định, hướng dẫn của hệ thống chưa chặt chẽ và một bộ phận quản lý chưa thật sự quan tâm việc kiểm soát sự tuân thủ trong vận hành hệ thống.
- Các sự cố do nguyên nhân sai qui trình hoặc hướng dẫn vẫn còn lặp lại, việc cung cấp nguyên phụ liệu trễ hơn hợp đồng hay chất lượng không được đảm bảo, chu kỳ kiểm tra không theo qui định ... những vấn đề này dẫn đến bộ phận sản xuất phải chờ việc.

Tổng kết lại, điểm yếu nhất cần phải nhanh chóng khắc phục là nâng cao tính tự giác trong tuân thủ các qui định trong vận hành hệ thống quản lý, kiểm soát hữu hiệu việc tuân thủ nghiêm túc qui trình cùng các kỹ năng quản lý nhằm kiểm soát chất lượng và giảm thiểu chi phí ẩn. Nghiêm túc thực hiện triển khai thực nghiệm phần mềm ERP, nếu những yếu kém trên chậm khắc phục sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng trong công tác tổ chức, quản lý sản xuất





## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về triển vọng 2019



### Đánh giá về triển vọng chung kinh tế toàn cầu

Năm 2019 tăng trưởng kinh tế các nước được dự báo giảm, chính sách tiền tệ diễn biến phức tạp, lãi suất tăng. Tác động của tăng lãi suất sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### Đánh giá về triển vọng ngành

- Các đơn hàng từ các quốc gia thành viên CPTPP như Canada, Australia, New Zealand đổ vào Việt Nam sẽ tăng lên nhằm hưởng các ưu đãi thuế quan.
- Các nhà nhập khẩu Mỹ đang và sẽ chuyển bớt đơn hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam do lo ngại chiến tranh thương mại.
- Khi EVFTA có hiệu lực, EU sẽ cắt giảm thuế xuất nhập khẩu hàng may mặc xuất xứ Việt Nam từ 12% xuống 0%. Nhờ vậy, các doanh nghiệp may mặc của Việt Nam có thể mong đợi tăng thị phần (hiện đang ở mức khiêm tốn 2%-3%) lên mức cao hơn khi EVFTA có hiệu lực.
- Xu hướng hàng Athleisure – Xu hướng thời trang thể thao rất phát triển vào cuối năm 2018 và vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt trong năm 2019.
- Theo Euromonitor, quy mô doanh thu ngành dệt may toàn cầu sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức CAGR 4,6%/năm từ 2016 đến 2021, đạt doanh thu ước tính 1.659,5 tỷ vào năm 2021, chủ yếu do tiêu thụ sản phẩm may mặc toàn cầu tăng cũng như tăng giá bán trung bình sản phẩm dệt may đặc biệt tại các nước đang phát triển.

Bên cạnh những triển vọng thuận lợi trên, Công ty cũng đối mặt với áp lực lớn từ các yếu tố: Cạnh tranh về giá, về mẫu mã và chất lượng có xu hướng diễn ra gay gắt hơn. Để tận dụng tốt những triển vọng này Công ty cần xây dựng, tổ chức đội ngũ kỹ thuật nghiệp vụ mang tính chuyên nghiệp hơn nhằm nâng cao tính cạnh tranh phù hợp với xu hướng thị trường, góp phần tăng trưởng bền vững.

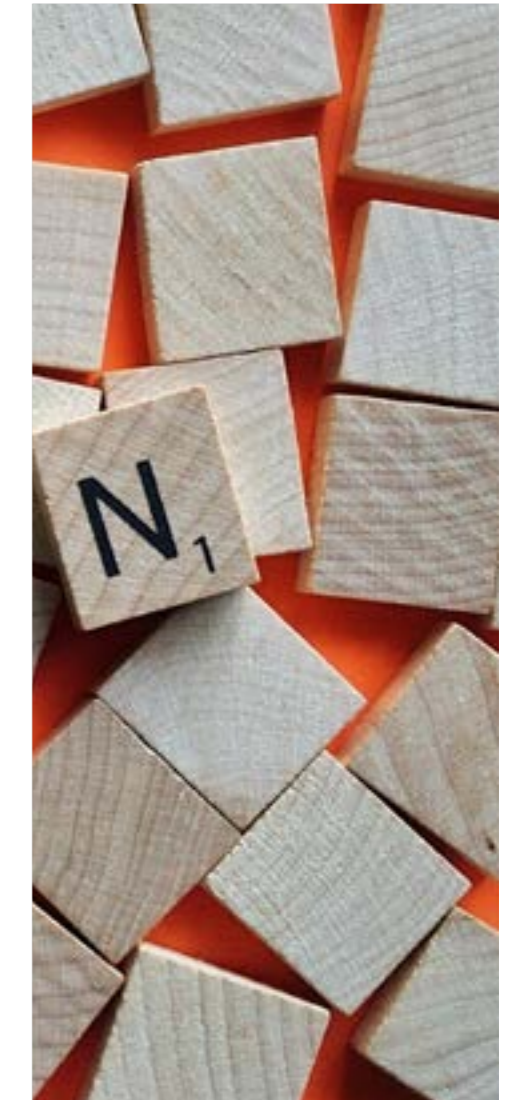
### Chiến lược phát triển Công ty trong năm 2019

#### Về đối nội:

- Tái cơ cấu bộ máy tổ chức. Đây là hoạt động cần thiết để tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả quản trị.
- Hoàn thiện hệ thống quản lý các cấp, theo dõi sát sao và định kỳ báo cáo về tình hình sản xuất tại từng phân xưởng.
- Đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng các nhà xưởng máy móc song song với nâng cao kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ của người lao động tại từng bộ phận sản xuất. Đầu tư vào hạ tầng nhà xưởng và người lao động để tránh tình trạng Công ty phải từ chối đơn hàng do năng lực sản xuất không đủ đáp ứng.

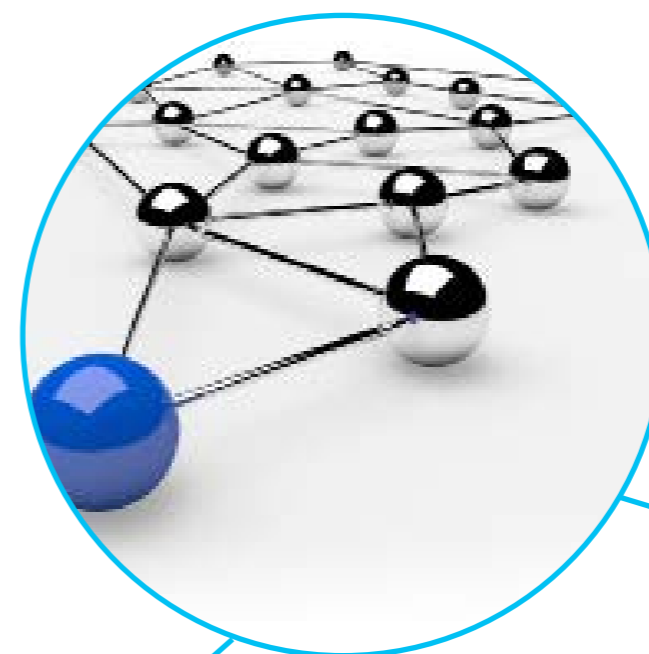
#### Về đối ngoại:

- Tiếp tục củng cố vị thế đối với khách hàng truyền thống ở các thị trường trọng điểm. Mở rộng tìm kiếm khách hàng tại những thị trường tiềm năng
- Tăng cường xúc tiến, tìm cơ hội phát triển khách hàng, thị trường mới từ các hiệp định thương mại.
- Đa dạng hóa sản phẩm. Tăng tập trung phát triển các sản phẩm có biên lợi nhuận cao.



# 05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018
- CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT
- CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT





## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ	Ghi chú
1	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch	2.458.454 cp	15,80 %	Đại diện sở hữu của Cty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải
			727.070 cp	4,67%	Đại diện sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt
2	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	1.572.340 cp	10,11%	Đại diện sở hữu của Cty cổ phần Đầu tư T.T.A
3	Ông Lê Hùng	Thành viên	782.193 cp	5,03%	Đại diện sở hữu của CTCP Dệt May Gia Định
4	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	782.192 cp	5,03%	Đại diện sở hữu của CTCP Dệt May Gia Định
5	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên	16.070 cp	0,10%	Sở hữu cá nhân
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	39.290 cp	0,25%	Sở hữu cá nhân
			817.910 cp	5,26%	Sở hữu cá nhân
7	Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên	436.810 cp	2,81%	Đại diện sở hữu của Công ty TNHH Tân Á
			436.810 cp	2,81%	Đại diện sở hữu của TNHH Thương mại Á Châu

Công ty không có thành viên độc lập Hội đồng quản trị

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (Từ ngày 01/01/2018 đến 04/12/2018) tiến hành 06 cuộc họp trực tiếp và 02 lần trao đổi lấy ý kiến trực tiếp, điện thoại, email.

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (Từ ngày 05/12/2018 đến 31/12/2018) tiến hành 03 cuộc họp trực tiếp.

Việc tổ chức họp HĐQT và lấy ý kiến đều tuân thủ theo quy định tại điều lệ và các quy định của pháp luật hiện hành.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ III	07/01/2004	06/06	100%	
2	Ông Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ III	07/01/2004	06/06	100%	
3	Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT NK III tiếp tục tham gia HĐQT nhiệm kỳ IV	15/04/2009	09/09	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT NK III tiếp tục tham gia HĐQT nhiệm kỳ IV	04/08/2010	09/09	100%	
5	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT NK III tiếp tục tham gia HĐQT nhiệm kỳ IV	12/04/2014	09/09	100%	
6	Bà Phan Thị Phượng	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (tiếp tục tham gia BKS nhiệm kỳ IV)	12/04/2014	05/06	83,33%	Do giải quyết việc gia đình.
7	Ông Lâm Quang Thái	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ III	12/04/2014	05/06	83,33%	Do đi nước ngoài
8	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV (tham gia mới)	05/12/2018	03/03	100%	
9	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (tham gia mới)	05/12/2018	03/03	100%	
10	Ông Lê Hùng	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (tham gia mới)	05/12/2018	03/03	100%	
11	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (tham gia mới)	05/12/2018	03/03	100%	



## CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
1	06/NQ-HĐQT	26/02/2018	<p><b>Nghị quyết của HĐQT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định chi trả cổ tức 15% bằng tiền đợt 2 năm 2017 (theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ mới 155,55 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu; ngày đăng ký cuối cùng 29/3/2018 và ngày chi trả cổ tức 19/4/2018.</li> <li>Quyết định họp Đại hội ĐCĐ thường niên 2018 vào ngày 21/4/2018; ngày đăng ký cuối cùng tham dự họp 29/3/2018.</li> </ul>
2	07/QĐ-HĐQT	26/02/2018	<p><b>Quyết định của HĐQT:</b></p> <p>Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký HĐQT; thời gian bổ nhiệm, từ ngày được HĐQT phê duyệt cho đến hết nhiệm kỳ III (2014 – 2018).</p>
3	08/NQ-HĐQT	03/04/2018	<p><b>Nghị quyết của HĐQT:</b></p> <p>Thông qua Chương trình Đại hội ĐCĐ thường niên 2018 trình Đại hội ĐCĐ phê duyệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017;</li> <li>Báo cáo của HĐQT năm 2017 và Chương trình quản trị năm 2018;</li> <li>Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2017;</li> <li>Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2017;</li> <li>Báo cáo phân bổ lợi nhuận năm 2017;</li> <li>Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm; chính sách, thù lao HĐQT, Ban KS và mức chia cổ tức năm 2018;</li> </ul> <p>- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Đề xuất lựa chọn 01 (một) trong 04 (bốn) công ty kiểm toán cho năm tài chính 2018.</p>
4	11/NQ-HĐQT	19/04/2018	<p><b>Nghị quyết của HĐQT:</b></p> <p>Chọn đối tác Công ty Cổ phần Địa ốc Dục Đức – Sài Gòn hợp tác đầu tư/chuyển nhượng tài sản trên đất và quyền thuê đất tại số 213 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.</p>

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
5	16/QĐ-HĐQT	28/07/2018	<p><b>Quyết định của HĐQT:</b></p> <p>Bổ nhiệm Bà Nguyễn Minh Hằng, hiện là Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Cty, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính và Đầu tư Cty CP SX – TM May Sài Gòn; thời hạn bổ nhiệm từ ngày 01/8/2018 đến khi HĐQT có phê chuẩn khác.</p>
6	17/QĐ-HĐQT	28/07/2018	<p><b>Quyết định của HĐQT:</b></p> <p>Bổ nhiệm Bà Trần Thị Mỹ Hạnh, hiện là Kế toán trưởng Cty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh (công ty con), giữ chức vụ Kế toán trưởng Cty CP SX – TM May Sài Gòn kiêm Kế toán trưởng Cty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh; thời hạn bổ nhiệm từ ngày 01/8/2018 đến khi HĐQT có phê chuẩn khác.</p>
7	18/QĐ-HĐQT	28/07/2018	<p><b>Quyết định của HĐQT:</b></p> <p>Giải quyết cho Bà Lê Thị Phương Thảo, thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Cty CP SX – TM May Sài Gòn để nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân, kể từ ngày 01/8/2018.</p>
8	19/NQ-HĐQT	28/07/2018	<p><b>Nghị quyết của HĐQT:</b></p> <p>Quyết định tạm ứng cổ tức 15% bằng tiền đợt 1 năm 2018 (theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ 155,55 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu; ngày đăng ký cuối cùng 22/8/2018 và ngày chi trả cổ tức 10/09/2018</p>
9	23/NQ-HĐQT	16/10/2018	<p><b>Nghị quyết của HĐQT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Do thay đổi lớn cơ cấu cổ đông, HĐQT nhiệm kỳ III (từ tháng 4/2014 đến tháng 4/2019) đồng thống nhất tổ chức ĐHCĐ bất thường để bầu lại HĐQT và BKS.</li> <li>Thống nhất thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội ngày 15/11/2018; thời gian họp ĐH ngày 05/12/2018 và địa điểm họp ĐH tại Hội trường Khách sạn Đệ Nhất, số 21 Hoàng Việt, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.HCM.</li> </ul>
10	27/NQ-HĐQT	12/11/2018	<p><b>Nghị quyết của HĐQT:</b></p> <p>Thống nhất Quy chế đề cử, ứng cử bầu cử Thành viên HĐQT và Thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ IV (05 năm).</p>



## CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
11	28/NQ-HĐQT	19/11/2018	<p><b>Nghị quyết của HĐQT:</b> Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội ĐCĐ bất thường năm 2018:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thời gian: 8h00 ngày 05/12/2018;</li> <li>Địa điểm: Hội trường Nhà khách T.78, số 145 Lũy Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, TP.HCM.</li> </ul> <p>Thông qua Chương trình Đại hội ĐCĐ bất thường năm 2018 trình ĐHĐCĐ phê duyệt.</p>
12	34/NQ-HĐQT	05/12/2018	<p><b>Nghị quyết của HĐQT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua kết quả bầu Chủ tịch và các thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (05 năm).</li> <li>Quyết định phê duyệt Tổng Giám đốc nhiệm kỳ IV (05 năm) đồng thời miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc nhiệm kỳ III.</li> </ul>
13	35/QĐ-HĐQT	05/12/2018	<p><b>Quyết định của HĐQT:</b> Bổ nhiệm Ông Lê Hùng, giữ chức vụ Tổng Giám đốc, kể từ ngày 05/12/2018 đến hết nhiệm kỳ IV HĐQT Cty.</p>
14	41/NQ-HĐQT	10/12/2018	<p><b>Nghị quyết của HĐQT:</b> Thông qua việc vay vốn tại các ngân hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;</li> <li>Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam).</li> <li>Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</li> </ul>
15	44/NQ-HĐQT NK4	22/12/2018	<p><b>Nghị quyết của HĐQT:</b> Thông nhất lựa chọn Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam (E&amp;Y) kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Cty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn (bao gồm cả việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Blue Saigon LLC).</p>

### Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban điều hành Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về công tác quản trị, trong đó có 1 thành viên HĐQT và 1 thành viên Ban Kiểm Soát đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty và được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học. Các thành viên còn lại sẽ tiếp tục tham gia khi các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận có các khóa đào tạo phù hợp.



## CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty có 4 Tiểu ban : Tiểu ban Chiến lược - Phát triển , Tiểu ban Đầu tư - Tài chính, Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ . Đến nay, Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập  
Các Tiểu ban đã thảo luận, thông qua các vấn đề sau:

- Thông nhất kế hoạch triệu tập Đại hội và nội dung chương trình, phân công tổ chức lãnh đạo Đại hội Đại hội đồng cổ đông thường niên cho năm tài chính 2017 được tổ chức vào ngày 21/4/2018;
- Thông nhất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính trình Đại hội cổ đông thông qua.
- Thông nhất Ban Kiểm soát lựa chọn, đề xuất 04 Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2018 trình Đại hội cổ đông thông qua;
- Thông nhất bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký HĐQT; thời gian bổ nhiệm, từ ngày được HĐQT phê duyệt cho đến hết nhiệm kỳ III (2014 – 2018);
- Thông nhất cân nhắc, xem xét lại tình hình hoạt động SX.KD của Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long để có quyết định cuối cùng;
- Thông nhất tạm ứng thù lao HĐQT và Ban KS năm 2018 là 2% lợi nhuận sau thuế bằng 80% kế hoạch lợi nhuận trước thuế và cuối năm chi trả thực tế sau khi kiểm toán;
- Thông nhất chủ trương đầu tư mở rộng sản xuất nhằm thực hiện chiến lược phát triển công ty trong tình hình mới. Giao Giám đốc Tài chính xây dựng phương án chi tiết đầu tư phát triển sản xuất tại Đatel và Cát Tiên thuộc tỉnh Lâm Đồng trình HĐQT xem xét, quyết định;
- Thông nhất kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 4 (2019 – 2024); thành viên các tiểu ban theo phân công chuẩn bị nội dung gửi đến các thành viên HĐQT và Trưởng Ban KS xem xét góp ý trước khi trình HĐQT thông qua;
- Thông nhất bổ nhiệm Bà Nguyễn Minh Hằng, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty phụ trách Tài chính và Đầu tư, kể từ ngày 01/08/2018 đến khi HĐQT có phê chuẩn khác;
- Thông nhất bổ nhiệm Bà Trần Thị Mỹ Hạnh, giữ chức vụ Kế toán trưởng Cty CP SX – TM May Sài Gòn kiêm Kế toán trưởng Cty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh (công ty con), kể từ ngày 01/8/2018 đến khi HĐQT có phê chuẩn khác;
- Thông nhất giải quyết cho Bà Lê Thị Phương Thảo, thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Cty để nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân, kể từ ngày 01/08/2018;
- Thông nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 để bầu lại HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (05 năm) và tổ chức Đại hội vào ngày 05/12/2018;
- Thông nhất Quy chế đề cử, ứng cử bầu cử Thành viên HĐQT và Thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ IV (05 năm);
- Thông nhất thời gian tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2018 vào ngày 05/12/2018 và địa điểm tổ chức tại Hội trường Nhà khách T.78, số 145 Lũy Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, TP.HCM; thông qua Chương trình Đại hội cổ đông bất thường 2018;
- Thông nhất tạm ứng thù lao HĐQT và BKS 11 tháng năm 2018 theo 2% lợi nhuận sau thuế (88,709 tỷ) và chi bổ sung trong tháng 11/2018;
- Thông nhất tạm ứng quỹ thưởng HĐQT theo kết quả SX-KD 9 tháng đầu năm 2018 hợp nhất (88,709 tỷ) phân bổ cho HĐQT, Ban KS và Cán bộ quản lý điều hành;
- Thông nhất kết quả bầu Ông Bùi Tuấn Ngọc, Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV và phê duyệt Ông Lê Hùng, Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ IV;
- Thông nhất việc vay vốn tại các Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;
- Thông nhất lựa chọn Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam (E&Y) kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Cty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn (bao gồm cả việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Blue Saigon LLC) thay thế Công ty TNHH PKF Việt Nam.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Các thù lao và khoản lợi ích của Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao HĐQT		Lương thưởng khác	Tổng cộng
			Thù lao HĐQT	Thưởng		
1	Lê Quang Hùng	CT. HĐQT chuyên trách	12%	11%	77%	100%
2	Nguyễn Ân	Phó CT. HĐQT - TGD	8%	26%	67%	100%
3	Nguyễn Thị Thu Hương	TV HĐQT - Phó TGD	11%	11%	78%	100%
4	Nguyễn Minh Hằng	TV HĐQT - Giám đốc Tài chính	11%	11%	78%	100%
5	Lê Thị Phương Thảo	Phó TGD	0%	0%	100%	100%
6	Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	56%	44%	0%	100%
7	Lâm Quang Thái	Thành viên HĐQT	56%	44%	0%	100%
8	Phan Thị Phương	Thành viên HĐQT	45%	55%	0%	100%
9	Lâm Quan Kiều Phương	Thành viên BKS	56%	44%	0%	100%
10	Lê Thị Chín	Trưởng Ban KS	56%	44%	0%	100%
11	Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên BKS	11%	12%	76%	100%
12	Lê Quang Hùng	CT. HĐQT chuyên trách	12%	11%	77%	100%

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
Lâm Quang Thái	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ III	476	0	0	0	Giảm do giao dịch bán cổ phiếu
Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ III tiếp tục tham gia nhiệm kỳ IV	179.290	1,15	39.290	0,25	Giảm do giao dịch bán cổ phiếu

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Năm 2018, không có phát sinh giao dịch liên quan đến các thành viên chủ chốt (Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Tuy nhiên, phát sinh các giao dịch:

#### Giao dịch giữa Công ty với công ty con, giữa Công ty với chi nhánh của công ty con

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Ghi chú
Công Ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	Giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu, thuê và bán máy móc thiết bị; thuê nhà xưởng năm 2016, 2017 và năm 2018 (chưa được kiểm toán).	Giao dịch giữa công ty với công ty con liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu, thuê và bán máy móc thiết bị; thuê nhà xưởng là giao dịch phát sinh thường xuyên, tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh Nghiệp.
Công Ty TNHH Một thành viên May Sài Gòn Xanh	Công ty con	Giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị từ năm 2016, 2017 và năm 2018 (chưa được kiểm toán)	
Công Ty TNHH Sài Gòn - Tường Long (GMC góp 51%/vốn điều lệ)	Công ty con	Giao dịch liên quan đến nhượng bán nguyên phụ liệu từ năm 2017 và năm 2018 (chưa được kiểm toán).	



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch giữa Công ty với đối tượng khác (Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành)

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Ghi chú
Công Ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con Ông: Nguyễn Ân, Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ III) là Chủ tịch Công ty	Giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu, thuê và bán máy móc thiết bị; thuê nhà xưởng năm 2016, 2017 và năm 2018 (chưa được kiểm toán).	
Công Ty TNHH Một thành viên May Sài Gòn Xanh	Công ty con Ông: Lê Quang Hùng, Chủ tịch HĐQT (nhiệm kỳ III) là Giám đốc Công ty	Giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị từ năm 2016, 2017 và năm 2018 (chưa được kiểm toán)	
Công ty TNHH Sài Gòn - Tường Long (GMC góp 51%/vốn điều lệ)	Công ty con Ông: Nguyễn Ân, Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ III) là Chủ tịch HĐQT Công ty	Giao dịch liên quan đến nhượng bán nguyên phụ liệu từ năm 2017 đến nay được phản ánh trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 và năm 2018 (chưa được kiểm toán)	
Công Ty TNHH MTV Blue Exchange	Ông Lâm Quang Thái - TV HĐQT (nhiệm kỳ III) là chủ sở hữu của các công ty này	Giao dịch liên quan đến mua bán sản phẩm hàng may mặc từ 2016 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và năm 2018 (chưa được kiểm toán)	Nghị quyết 17/NQ-HĐQT ngày 06/05/2016 vẫn còn có hiệu lực cho đến khi có văn bản mới thay thế.

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Ghi chú
Công Ty TNHH MTV Con Đường Xanh Quảng Nam			Giao dịch liên quan đến mua bán sản phẩm hàng may mặc, nguyên phụ liệu từ 2016 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và năm 2018 (chưa được kiểm toán)
Công Ty TNHH MTV Con Đường Xanh	Ông Lâm Quang Thái - TV HĐQT (nhiệm kỳ III) là chủ sở hữu của các công ty này		Giao dịch liên quan đến mua bán sản phẩm hàng may mặc, nguyên phụ liệu từ 2016 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và năm 2018 (chưa được kiểm toán)
Công Ty TNHH May Mặc Cây Dừa			Giao dịch mua bán nguyên phụ liệu từ năm 2016 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và năm 2018 (chưa được kiểm toán)
Công Ty TNHH Trà Tân			Giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc từ 2016 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và năm 2018 (chưa được kiểm toán)

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban KS, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Ghi chú
Blue Saigon LLC	Chi nhánh của công ty con Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh Ông: Nguyễn Trung, Giám đốc Chi Nhánh là người có liên quan đến Ông Nguyễn Ân - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty (nhiệm kỳ III)		Giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu từ năm 2016 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và năm 2018 (chưa được kiểm toán)

# 06 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

- THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT
- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT







## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
1	Bà Phan Thị Phượng	Trưởng ban	3.940 cổ phần	0,03%
2	Bà Lê Thị Chín	Thành viên	3.940 cổ phần	0,03%
3	Bà Từ Vĩ Trí	Thành viên	0 cổ phần	0,00%

### Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2018 Ban Kiểm soát tiến hành các hoạt động như sau:

- Kiểm tra tình hình hoạt động và thẩm định báo cáo tài chính định kỳ quý, năm của Công ty mẹ và các Công ty con, việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính hiện hành trong công tác hạch toán kế toán.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông như tình hình xây dựng và thực hiện kế hoạch, việc tuân thủ điều lệ, quy định hiện hành trong điều hành hoạt động kinh doanh và ban hành văn bản quản lý của Hội đồng Quản trị.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, cùng phối hợp trao đổi và thảo luận.
- Ngày 5/12/2018, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ III đã tuyên bố mãn nhiệm kỳ và Đại hội đồng Cổ đông bất thường bầu ra Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV; Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV đã họp để bầu Bà Phan Thị Phượng làm Trưởng Ban Kiểm soát (với tỷ lệ phiếu bầu là 100%).

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ III (Từ ngày 01/01/2018 đến 04/12/2018) tiến hành 06 cuộc họp trực tiếp.

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (Từ ngày 05/12/2018 đến 31/12/2018) tiến hành 01 cuộc họp trực tiếp.

Việc tổ chức họp Ban Kiểm soát đều tuân thủ theo quy định tại điều lệ và các quy định của pháp luật hiện hành.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Lê Thị Chín	Trưởng Ban KS NK III tiếp tục tham gia TV.Ban KS nhiệm kỳ IV	15/04/2009	07/07	100%
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên Ban KS nhiệm kỳ III	15/04/2009	06/06	100%
3	Bà Lâm Quan Kiều Phương	Thành viên Ban KS nhiệm kỳ III	12/04/2014	06/06	100%
4	Bà Phan Thị Phượng	Trưởng Ban KS nhiệm kỳ IV (TV.HĐQT NK III tiếp tục tham gia BKS nhiệm kỳ IV)	05/12/2018	01/01	100%
5	Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên Ban KS nhiệm kỳ IV (tham gia mới)	05/12/2018	01/01	100%



## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Kết quả kinh doanh năm 2018

Năm 2018, kim ngạch xuất khẩu của ngành dệt may đạt hơn 36 tỷ USD, mức tăng trưởng trên 16% là do có sự chuyển dịch đơn hàng từ Trung quốc về Việt Nam và do tiêu chuẩn chất lượng, môi trường lao động ở các địa bàn mới như Bangladesh, Ấn Độ chưa theo quy mô như nhà đầu tư kỳ vọng, nên các đơn hàng tại các nước này đưa qua Việt Nam cũng khá nhiều. Trong bối cảnh chung của ngành, đơn hàng trong năm 2018 của Garmex tăng nhiều, đôi lúc công ty còn từ chối nhận hàng vì năng lực sản xuất không đủ đáp ứng nhu cầu.

Song song với các điều kiện thuận lợi như đã nêu ở trên, Công ty cũng gặp nhiều khó khăn như sự cạnh tranh trên thị trường lao động gay gắt, chi phí đầu vào tăng cao,... nhưng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty, nên hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 đạt được nhiều kết quả tích cực. Chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2018	TH 2018/ KH 2018
Doanh thu thuần	đồng	1.700.000.000.000	2.038.900.592.256	119,94%
Lợi nhuận trước thuế	đồng	70.600.000.000	141.461.855.614	200,37%
Cổ tức/VĐL	%	20%-30%	30%	

Bên cạnh những thành quả tích cực, vượt trội như trên, trong năm 2018, Công ty cũng có phát sinh khoản công nợ khó đòi từ công ty con: Blue Saigon LLC (Mỹ). Công ty Garmex đã phải lập dự phòng công nợ khó đòi với số tiền là: 41.319.397.285 đồng; trong đó thực hiện việc điều chỉnh số dự phòng công nợ khó đòi về đúng niên độ kế toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam trong năm 2017 là 8.879.087.570 đồng, số dự phòng công nợ trong năm 2018 là 32.440.309.715 đồng, làm cho lợi nhuận năm 2018 của Garmex (công ty mẹ) giảm đi số tiền tương ứng với số dự phòng đã trích lập.

STT	CÁC CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2017	CHÉNH LỆCH
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>1.010.673.715.603</b>	<b>908.284.010.756</b>	<b>102.389.704.847</b>
1	Tài sản ngắn hạn	778.442.269.303	655.451.445.645	122.990.823.658
2	Tài sản dài hạn	231.211.446.300	252.832.565.111	(20.601.118.811)
<b>II</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>1.010.673.715.603</b>	<b>908.284.010.756</b>	<b>102.389.704.847</b>
1	Nợ phải trả	630.076.425.609	588.003.627.917	42.372.797.692
2	Vốn chủ sở hữu	380.597.289.994	320.280.382.839	60.316.907.155
<b>III</b>	<b>CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU</b>			
1	Hệ số thanh toán hiện hành	1,28	1,21	0,07
2	Hệ số thanh toán nhanh	0,21	0,18	0,03
3	Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu	5,8%	3,6%	2,2%
4	Tỷ suất sinh lợi trên vốn ROE	31,77%	20,51%	11,26%
5	Tỷ suất sinh lợi trên tài sản ROA	13%	7%	6,00%
6	Tỷ lệ nợ trên tổng nguồn vốn	0,62	0,65	(0,03)
7	Tỷ số nợ trên vốn cổ phần	1,66	1,84	(0,18)



## ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

### Đánh giá của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn trong năm 2018

Theo ý kiến của chúng tôi, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là lành mạnh, cơ cấu vốn hợp lý, đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng thanh toán của công ty.

Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến của đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, là: báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2018.

### Kết quả hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành công ty trong năm 2018

- Hội đồng Quản trị đã xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất và kế hoạch kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và hoàn thành các chỉ tiêu tài chính cơ bản mà Đại hội đồng Cổ đông giao cho năm tài chính 2018.
- Hội đồng Quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định, với đa số các thành viên HĐQT tham gia.
- Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị chưa có các ý kiến chỉ đạo kịp thời đối với Công ty Sài Gòn Xanh để chặn đứng tình trạng lỗ kéo dài tại Công ty Blue Saigon LLC (Mỹ), cũng như thu hồi nợ và giải quyết hàng tồn kho tại công ty này nhằm thu hồi vốn, giảm thiểu thiệt hại của Garmex.
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tiếp thu và lắng nghe ý kiến của cổ đông, có sự phối hợp tích cực giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và cổ đông để tổ chức thành công Đại hội Cổ đông bất thường vào ngày 05/12/2018.
- Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 05/12/2018, Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ III đã tuyên bố mãn nhiệm kỳ và Đại hội đồng Cổ đông đã bầu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV.
- Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV cũng đã họp để bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị vào ngày 05/12/2018. Kết quả: Ông Bùi Tuấn Ngọc được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị với tỷ lệ phiếu bầu là 100%.

### Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2018

- Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty khi có yêu cầu.
- Hoạt động của Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành được phối hợp chặt chẽ, cởi mở, đoàn kết trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế Quản trị công ty, nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi để cùng hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao.

### Kiến nghị của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng Quản trị có các giải pháp để giải quyết số hàng tồn kho tại Công ty Blue Saigon LLC (Mỹ) để thu hồi vốn, đồng thời triển khai kế hoạch chấm dứt hoạt động nhượng quyền Gramicci, để giảm thiểu các chi phí liên quan đến hoạt động nhượng quyền, giảm thiệt hại cho Garmex.
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị có các giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Phú Mỹ và Công ty Sài Gòn Tường Long.
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị căn cứ theo các quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính quy định về thẩm quyền xử lý các khoản công nợ khó đòi để xử lý các khoản nợ khó đòi tại Công ty.
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị xây dựng quy chế tài chính của công ty, nhằm đảm bảo công việc quản lý tài chính thực hiện theo đúng các quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác.
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị xây dựng quy chế quản lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết; cũng như bổ nhiệm và quản lý người đại diện vốn tại các công ty con, công ty liên kết để tránh xung đột lợi ích, có tính kiểm soát chéo, hạn chế các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động chung của công ty.

# 06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- BÁO CÁO TÀI CHÍNH



## Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

### MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 40

## Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

### THÔNG TIN CHUNG

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 1 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 101/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất gia công các sản phẩm may mặc và quần áo may sẵn các loại.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và ba (3) chi nhánh gồm:

- ▶ Xí nghiệp May Bình Tiên đặt tại số 55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Xí nghiệp May An Phú đặt tại số 14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Xí nghiệp May An Nhơn đặt tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018
Ông Lê Quang Hùng	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018
Ông Lê Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018
Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	
Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên	
Ông Lâm Quang Thái	Thành viên	từ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018
Bà Phan Thị Phương	Thành viên	từ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018

#### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Phương	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018
Bà Lê Thị Chín	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018
Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên	từ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018
Bà Lâm Quang Kiều Phương	Thành viên	từ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018

## Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

### THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hùng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Ân	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính	bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2019
Bà Lê Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2018

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hùng	bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Ân	từ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2018

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

## Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Hùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 4 năm 2019



Ernst & Young Vietnam Limited  
20th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Fax: +84 28 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61192495/20695873-HN

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 9 tháng 4 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

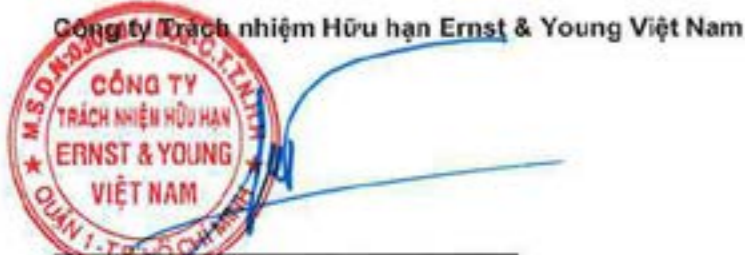
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2018.



Lê Quang Minh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 0426-2018-004-1

Lương Kim Diên An  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2736-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 4 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 31)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>778.442.269.303</b>	<b>655.451.445.645</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>128.163.362.782</b>	<b>96.874.718.179</b>
111	1. Tiền		127.152.355.519	96.874.718.179
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.011.007.263	-
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>327.481.939.937</b>	<b>242.436.287.032</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	324.616.363.713	227.709.840.659
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.223.854.503	11.680.276.669
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		1.278.816.774	3.046.169.704
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(637.095.053)	-
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>291.441.659.759</b>	<b>266.579.097.044</b>
141	1. Hàng tồn kho		302.973.265.022	266.579.097.044
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.531.605.263)	-
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>31.355.306.825</b>	<b>49.561.343.390</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.213.433.848	3.005.047.980
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		30.141.872.977	46.556.295.410
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>232.231.446.300</b>	<b>252.832.565.111</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>299.727.750</b>	<b>8.789.330.315</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	-	8.495.818.565
216	2. Phải thu dài hạn khác		299.727.750	293.511.750
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>177.257.402.377</b>	<b>188.642.195.692</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	175.173.940.211	185.034.260.550
222	Nguyên giá		369.175.318.951	355.677.861.683
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(194.001.378.740)	(170.643.601.133)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	2.083.462.166	3.607.935.142
228	Nguyên giá		6.923.918.340	7.068.909.300
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.840.456.174)	(3.460.974.158)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>12.269.539.240</b>	<b>11.870.819.364</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	12.269.539.240	11.870.819.364
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>17.067.478.219</b>	<b>18.641.555.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		4.631.843.219	4.341.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.395.180.000	17.314.330.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.959.545.000)	(3.013.775.000)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>25.337.298.714</b>	<b>24.888.664.740</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	24.613.997.990	24.888.664.740
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	723.300.724	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.010.673.715.603</b>	<b>908.284.010.756</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 31)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>630.076.425.609</b>	<b>588.003.627.917</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>609.380.925.609</b>	<b>540.955.716.344</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	145.636.162.497	121.844.190.732
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	7.395.837.475	2.222.401.090
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	33.369.397.757	13.041.028.201
314	4. Phải trả người lao động		71.818.079.424	49.150.285.188
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	8.542.236.183	7.102.143.874
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	12.498.980.822	14.327.721.661
320	7. Vay ngắn hạn	18	324.653.343.590	316.300.095.183
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	5.466.837.861	16.967.850.415
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>20.695.500.000</b>	<b>47.047.911.573</b>
338	1. Vay dài hạn	18	13.695.500.000	35.589.500.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.3	-	11.458.411.573
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	20	7.000.000.000	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>380.597.289.994</b>	<b>320.280.382.839</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>380.597.289.994</b>	<b>320.280.382.839</b>
411	1. Vốn cổ phần	21.1	155.556.200.000	155.556.200.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		155.556.200.000	155.556.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	28.314.942.370	28.314.942.370
415	3. Cổ phiếu quỹ	21.1	(863.138.686)	(863.138.686)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	21.1	(1.193.786.099)	(471.967.012)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	21.1	67.859.802.989	67.859.802.989
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	130.680.090.336	69.103.911.012
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		40.486.874.482	35.757.480.066
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		90.193.215.854	33.346.430.946
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	243.179.084	780.632.166
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.010.673.715.603</b>	<b>908.284.010.756</b>

  
Trần Thị Thu Trâm  
Người lập

  
Trần Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Lê Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 31)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	2.045.323.234.469	1.610.475.294.606
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	6.422.642.213	5.427.756.705
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	2.038.900.592.256	1.605.047.537.901
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	1.675.340.217.269	1.344.065.654.789
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		363.560.374.987	260.981.883.112
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	17.133.090.816	5.630.495.973
22	7. Chi phí tài chính	25	22.522.708.919	12.262.783.510
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		12.516.726.051	9.100.862.178
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	12.1	290.843.219	-
25	9. Chi phí bán hàng	26	63.350.128.548	50.535.799.500
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	156.211.664.721	141.830.066.668
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		138.899.806.834	61.983.729.407
31	12. Thu nhập khác	27	2.912.862.156	14.826.191.992
32	13. Chi phí khác	27	350.813.376	1.998.968.927
40	14. Lợi nhuận khác	27	2.562.048.780	12.827.223.065
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		141.461.855.614	74.810.952.472
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	33.244.723.752	17.943.527.015
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	(12.181.712.297)	(1.711.997.655)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		120.398.844.159	58.579.423.112
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		120.936.297.241	59.498.790.946
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(537.453.082)	(919.367.834)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.4	7.799	3.540
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.4		3.540

  
Trần Thị Thu Trâm  
Người lập

  
Trần Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Lê Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 31)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>141.461.855.614</b>	<b>74.810.952.472</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	9, 10	28.434.461.223	27.975.307.113
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		19.114.470.316	(398.053.000)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(185.976.476)	886.690.857
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(8.161.412.603)	(12.015.339.982)
06	Chi phí lãi vay	25	12.516.726.051	9.100.862.178
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>193.180.124.125</b>	<b>100.360.419.638</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(61.056.897.789)	(16.834.977.879)
10	Tăng hàng tồn kho		(35.756.680.434)	(39.120.203.864)
11	Tăng các khoản phải trả		48.871.172.854	17.831.002.022
12	Giảm chi phí trả trước		2.110.886.754	7.150.787.310
14	Tiền lãi vay đã trả		(12.646.514.459)	(8.866.258.073)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.260.108.430)	(10.686.806.200)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.300.340.483)	(9.636.413.884)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>98.141.642.138</b>	<b>40.197.549.070</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(17.851.253.401)	(22.903.447.169)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.204.346.539	14.040.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.870.850.000	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.133.662.300	209.360.591
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(7.642.394.562)</b>	<b>(8.654.086.578)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 31)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	18	1.510.935.047.203	1.120.299.850.949
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(1.523.853.909.678)	(1.112.737.674.534)
36	Cổ tức đã trả	21.3	(46.513.353.000)	(46.513.353.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(59.432.215.475)</b>	<b>(38.951.176.585)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>31.067.032.101</b>	<b>(7.407.714.093)</b>
60	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>96.874.718.179</b>	<b>104.277.219.892</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		221.612.502	5.212.380
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	4	<b>128.163.362.782</b>	<b>96.874.718.179</b>



Trần Thị Thu Trâm  
Người lập



Trần Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởng



Lê Hồng  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 1 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 101/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất gia công các sản phẩm may mặc và quần áo may sẵn các loại.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và ba (3) chi nhánh gồm:

- ▶ Xí nghiệp May Bình Tiến đặt tại số 55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Xí nghiệp May An Phú đặt tại số 14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Xí nghiệp May An Nhơn đặt tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4.121 (ngày 31 tháng 12 năm 2017 : 4.058).

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 3 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
			(%)	(%)
(1) Công ty TNHH Một thành viên May Sài Gòn Xanh (*)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	May mặc	100	100
(2) Công ty TNHH May Tân Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	May mặc	100	100
(3) Công ty TNHH Sài Gòn - Tường Long	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	May mặc	51	51
(4) Blue Saigon LLC	Hoa Kỳ	Kinh doanh hàng may mặc	100	100

(\*) Vào ngày 27 tháng 3 năm 2019, Công ty TNHH Một Thành viên May Sài Gòn Xanh đã đổi tên thành Công ty TNHH Garmex Quảng Nam theo GCNĐKDN số 0311908926 điều chỉnh lần thứ 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 - 8 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.8 Các chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 43 đến 50 năm. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch có đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả phát sinh được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm; và
- Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

**3.13 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.18 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất gia công các sản phẩm may mặc và quần áo may sẵn các loại. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam ngoại trừ Blue Saigon LLC đang hoạt động ở Hoa Kỳ. Tuy nhiên, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty này chiếm không trọng yếu trong tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là ngành nghề may mặc và khu vực địa lý là Việt Nam, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	119.369.160	307.592.952
Tiền gửi ngân hàng	125.880.051.744	96.567.125.227
Tiền đang chuyển	1.152.934.615	-
Các khoản tương đương tiền (*)	1.011.007.263	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>128.163.362.782</b>	<b>96.874.718.179</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc một (1) tháng và hưởng lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,1%/năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>324.616.363.713</b>	<b>227.709.840.659</b>
Phải thu từ khách hàng	322.615.097.631	209.256.909.242
- Columbia Sportswear Company (Hongkong) Ltd	108.247.683.496	98.894.734.622
- Promiles S.N.C	173.102.765.477	69.559.821.756
- New Wave Group SA	1.510.853.755	17.868.155.828
- Các khách hàng khác	39.753.794.903	22.934.197.036
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	2.001.266.082	18.452.931.417
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>8.495.818.565</b>
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	8.495.818.565
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>324.616.363.713</b>	<b>236.205.659.224</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(637.095.053)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>323.979.268.660</b>	<b>236.205.659.224</b>

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần giá trị khoản phải thu này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 18.1).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	2.223.854.503	9.642.650.232
GB Textile Co., Ltd	410.480.278	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường Á Châu	741.727.000	-
Công ty Cổ phần Tin học Lạc Việt	241.202.500	-
Chanhou Foreign Trade Coporation	-	2.753.788.888
Các nhà cung cấp khác	830.444.725	6.888.861.344
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	2.037.626.437
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.223.854.503</b>	<b>11.680.276.669</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	192.174.696.265	(83.179.634)	158.275.306.287	-
Thành phẩm	104.492.177.422	(11.448.425.629)	102.766.487.524	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.030.919.993	-	3.877.793.885	-
Công cụ, dụng cụ	2.275.471.342	-	1.659.509.348	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>302.973.265.022</b>	<b>(11.531.605.263)</b>	<b>266.579.097.044</b>	<b>-</b>

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần giá trị hàng tồn kho này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 18.1).

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.213.433.848</b>	<b>3.005.047.980</b>
Chi phí sửa chữa	223.121.758	-
Chi phí phần mềm	118.465.000	-
Chi phí thiết kế	-	1.098.278.812
Chi phí mẫu sản phẩm	-	612.350.958
Khác	871.847.090	1.294.418.210
<b>Dài hạn</b>	<b>24.613.997.990</b>	<b>24.888.664.740</b>
Tiền thuê đất trả trước	14.735.660.762	15.162.341.714
Công cụ, dụng cụ	4.824.131.284	2.070.240.237
Máy móc thiết bị	3.513.957.821	5.075.389.589
Khác	1.540.248.123	2.580.693.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.827.431.838</b>	<b>27.893.712.720</b>

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	182.129.424.337	147.977.854.241	12.512.372.600
Mua mới trong năm	2.541.498.122	13.162.839.888	1.220.651.818
Thanh lý	-	(3.100.720.997)	(776.867.905)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>184.670.922.459</b>	<b>158.039.972.132</b>	<b>12.956.156.513</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	22.997.269.252	66.757.441.832	4.887.131.844
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	51.472.638.790	100.360.106.853	8.889.310.179
Khấu hao trong năm	7.828.980.314	16.357.806.299	1.266.421.871
Thanh lý	-	(2.711.280.743)	(776.867.905)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>59.301.619.104</b>	<b>114.006.632.409</b>	<b>9.378.864.145</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	130.656.785.547	47.617.747.388	3.623.062.421
Số cuối năm	125.369.303.355	44.033.339.723	3.577.292.368

21

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND Phần mềm máy tính
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	7.058.909.300
Thanh lý	(166.059.600)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	21.068.640
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.923.918.340</b>
<i>Trong đó:</i>	
Đã hao mòn hết	379.167.965
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	3.460.974.158
Hao mòn trong năm	1.530.740.231
Thanh lý	(166.059.600)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	14.801.385
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.840.456.174</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	3.607.935.142
Số cuối năm	2.083.462.166

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền đất tại 213 Hồng Bàng	10.020.000.000	10.020.000.000
Dự án XI nghiệp May Tân Mỹ tại Cụm Công nghiệp Hắc Dịch (i)	1.843.383.000	1.843.383.000
Khác	406.156.240	7.436.364
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.269.539.240</b>	<b>11.870.819.364</b>

(i) Đây là số tiền Công ty đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Phú Mỹ để thuê lại hai (2) thửa đất số 479 và 450 tọa lạc tại Tổ 8, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xây dựng nhà ở cho công nhân.

## Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.1)  
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.2)

#### TỔNG CỘNG

#### 12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm	
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VNĐ
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	May mặc	32,67	4.631.843.219

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trình bày

#### Giá trị đầu tư:

Số đầu năm và số cuối năm

#### Phần lỹ kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu năm

Phần lợi nhuận từ công ty liên kết

Số cuối năm

#### Giá trị còn lại:

Số đầu năm

Số cuối năm

23



## Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 12.2 Đầu tư vào các đơn vị khác

Đơn vị	Số cuối năm			Số lượng cổ phiếu
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VNĐ	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	843.950	10.127.400.000	-	843.950
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á	207.701	3.998.050.000	(2.959.545.000)	207.701
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	25.266	1.269.730.000	-	25.266
Công ty Cổ phần Da giày Sagoda	-	-	-	98.155
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15.395.180.000</b>	<b>(2.959.545.000)</b>	

24





Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	145.538.165.671	116.429.216.235
- Desipro Pte. Ltd	36.602.108.047	35.166.571.663
- Công ty TNHH YKK Việt Nam	26.749.643.293	19.813.928.197
- Khác	82.186.414.331	61.448.716.375
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	97.996.826	5.414.974.497
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>145.636.162.497</b>	<b>121.844.190.732</b>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Seeland International A/S	4.643.580.506	-
Topo Designs	1.827.232.697	-
Khác	925.074.272	2.222.401.090
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.395.887.475</b>	<b>2.222.401.090</b>

15. THUÊ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.553.554.374	33.244.723.752	(13.260.108.430)	28.538.169.696
Thuế giá trị gia tăng	1.577.787.766	20.003.521.578	(20.577.316.177)	1.003.993.167
Thuế thu nhập cá nhân	2.834.711.041	8.899.191.566	(7.928.602.155)	3.805.300.452
Thuế nhà thầu	74.975.020	305.982.071	(359.022.649)	21.934.442
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.041.028.201</b>	<b>62.453.418.967</b>	<b>(42.125.049.411)</b>	<b>33.369.397.757</b>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 31)
Tiền lương phép năm	6.099.088.090	5.296.585.928
Chi phí lãi vay	548.555.794	678.344.202
Khác	1.894.592.299	1.127.213.744
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.542.236.183</b>	<b>7.102.143.874</b>

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận đặt cọc (*)	9.000.000.000	9.000.000.000
Kinh phí công đoàn, các loại bảo hiểm	2.137.348.069	1.514.347.055
Khác	1.361.632.753	3.813.374.606
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.498.980.822</b>	<b>14.327.721.661</b>

(\*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện khoản đặt cọc của Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Duy Đức - Sài Gòn theo hợp đồng số 02.18/HĐNT ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Phân loại lại
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>316.300.095.183</b>	<b>1.510.935.047.203</b>	<b>(1.506.173.909.678)</b>	<b>4.214.000.000</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	307.926.095.183	1.510.935.047.203	(1.497.799.909.678)	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	8.374.000.000	-	(8.374.000.000)	4.214.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>35.589.500.000</b>	<b>-</b>	<b>(17.680.000.000)</b>	<b>(4.214.000.000)</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	35.589.500.000	-	(17.680.000.000)	(4.214.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>351.889.595.183</b>	<b>1.510.935.047.203</b>	<b>(1.523.853.909.678)</b>	<b>-</b>

18.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Nhóm Công ty có các khoản vay ngân hàng ngắn hạn theo lãi suất thị trường nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Nguyên tệ USD	Ngày đáo hạn	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	279.808.369.259	12.042.537,95	Từ ngày 5 tháng 4 năm 2019 đến ngày 3 tháng 5 năm 2019	Vốn
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	37.983.546.599	1.634.755,61	Ngày 8 tháng 5 năm 2019	K
Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	2.647.427.732	113.941,37	Từ ngày 16 tháng 4 năm 2019 đến ngày 28 tháng 6 năm 2019	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>320.439.343.590</b>	<b>13.791.234,93</b>		

27

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn theo lãi suất thị trường như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	17.909.500.000	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2019 đến ngày 25 tháng 2 năm 2023	Vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Một Thành viên May Sài Gòn Xanh
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	4.214.000.000		
Vay dài hạn	13.695.500.000		

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.967.850.415	22.795.032.536
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh số 21.1)	4.598.955.864	-
Sử dụng quỹ	(16.099.968.418)	(5.827.182.121)
Số cuối năm	5.466.837.861	16.967.850.415

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn khác thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 48 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.11.

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đã phát
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm					
Số liệu đã trình bày trước đây	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(537.935.735)	67.859.802
Ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố - Thuyết minh số 31	-	-	-	-	-
Đã điều chỉnh lại	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(537.935.735)	67.859.802
Lợi nhuận thuần trong năm - Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 31	-	-	-	-	-
Chi khen thưởng và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và cán bộ chủ chốt	-	-	-	-	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	65.968.723	-
Số cuối năm	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(471.967.012)	67.859.802
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm					
Số liệu đã trình bày trước đây	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(471.967.012)	67.859.802
Ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố - Thuyết minh số 31	-	-	-	-	-
Đã điều chỉnh lại	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(471.967.012)	67.859.802
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-
Chi khen thưởng và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và cán bộ chủ chốt	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(721.819.087)	-
Số cuối năm	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(1.193.786.099)	67.859.802

29

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

(\*) Vào ngày 16 và 17 tháng 4 năm 2018, Nhóm Công ty đã chi trả cổ tức đợt 2 năm 2017 với số tiền là 23.259.540.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD18 ngày 21 tháng 4 năm 2018.

Vào ngày 6 và 7 tháng 9 năm 2018, Nhóm Công ty đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2018 với số tiền là 23.259.540.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 19/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 7 năm 2018.

21.2 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	15.555.620	15.555.620
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	15.555.620	15.555.620
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(49.260)	(49.260)
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	15.506.360	15.506.360

21.3 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố trong năm	46.519.080.000	46.519.080.000
Cổ tức cho năm 2017: 1.500 VND/cổ phiếu (2016: 1.500 VND/cổ phiếu)	23.259.540.000	23.259.540.000
Tạm ứng cổ tức trong năm: 1.500 VND/cổ phiếu (2017: 1.500 VND/cổ phiếu)	23.259.540.000	23.259.540.000
Cổ tức đã trả trong năm	46.513.353.000	46.513.353.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.4 Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 31)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	120.936.297.241	59.498.790.946
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(4.598.955.864)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	120.936.297.241	54.899.835.082
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	15.506.360	15.506.360
<b>Lãi trên cổ phiếu (VND)</b>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.799	3.540
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.799	3.540

(\*) Lợi nhuận thuần dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến được trích lập với tỷ lệ 7% lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2018.

Lợi nhuận thuần dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2018 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**22. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	780.632.166	-
Góp vốn	-	1.700.000.000
Lỗ thuần trong năm	(537.453.082)	(919.367.834)
Số cuối năm	243.179.084	780.632.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.045.323.234.469</b>	<b>1.610.475.294.606</b>
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	2.026.509.293.626	1.577.024.612.016
Doanh thu bán hàng nội địa	13.823.314.175	32.391.807.924
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.990.626.468	1.058.874.666
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(6.422.642.213)</b>	<b>(5.427.756.705)</b>
Trong đó:		
Hàng bán bị trả lại	(3.617.584.527)	(2.585.101.978)
Chiết khấu thương mại	(2.805.057.686)	(2.842.654.727)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>2.038.900.592.256</b>	<b>1.605.047.537.901</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	2.036.114.206.224	1.604.632.774.861
Doanh thu đối với bên liên quan	2.786.386.032	414.763.040

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.047.728.516	5.421.135.382
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	4.951.700.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.983.301.800	196.880.800
Lãi tiền gửi	150.360.500	12.479.791
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.133.090.816</b>	<b>5.630.495.973</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.663.808.612.006	1.344.065.654.789
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.531.605.263	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.675.340.217.269</b>	<b>1.344.065.654.789</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	12.516.726.051	9.100.862.178
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.059.439.642	3.559.974.332
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(53.456.774)	(398.053.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.522.708.919</b>	<b>12.262.783.510</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 31)
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>63.350.128.548</b>	<b>50.535.799.500</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.686.683.126	48.573.780.818
Chi phí khác	4.663.445.422	1.962.018.682
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>156.211.664.721</b>	<b>141.830.066.668</b>
Chi phí nhân viên	120.997.067.567	107.834.444.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.756.443.380	14.025.019.732
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	9.688.456.130	9.579.651.761
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.105.929.190	4.291.447.489
Chi phí khác	6.683.768.454	6.099.503.080
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>219.561.793.269</b>	<b>192.365.866.168</b>

**27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.912.862.156</b>	<b>14.826.191.992</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	978.870.406	12.987.282.634
Khác	1.933.991.750	1.838.909.358
<b>Chi phí khác</b>	<b>(350.813.376)</b>	<b>(1.998.968.927)</b>
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(193.663.322)	-
Khác	(157.150.054)	(1.998.968.927)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>2.562.048.780</b>	<b>12.827.223.065</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 31)
Chi phí nguyên vật liệu	1.012.173.501.831	776.197.655.134
Chi phí nhân viên	531.645.567.830	468.420.142.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	300.035.807.733	256.132.494.399
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 9 và 10)	28.434.461.223	27.975.307.113
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	67.538.162	-
Chi phí khác	23.800.053.686	13.687.840.041
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.896.156.930.465</b>	<b>1.542.413.439.613</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con như sau:

- ▶ Thuế suất thuế TNDN của Công ty và Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long là 20% thu nhập chịu thuế.
- ▶ Công ty TNHH Một thành viên May Sài Gòn Xanh ("Sài Gòn Xanh"), công ty con của Công ty, chịu thuế suất thuế TNDN là 20% thu nhập chịu thuế. Sài Gòn Xanh được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2017) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Sài Gòn Xanh trong chín (9) năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng tại Cụm công nghiệp Hà Lam – Chợ Được, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.
- ▶ Công ty TNHH May Tân Mỹ ("Tân Mỹ"), công ty con của Công ty, chịu thuế suất thuế TNDN là 15% thu nhập chịu thuế trong mười hai (12) năm kể từ năm đầu tiên hoạt động (năm 2008) và chịu thuế suất thông dụng theo quy định hiện hành trong những năm tiếp theo. Tân Mỹ được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2010) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tân Mỹ trong bảy (7) năm tiếp theo.
- ▶ Blue Saigon LLC, công ty con của Sài Gòn Xanh, được thành lập tại Hoa Kỳ và có nghĩa vụ nộp thuế TNDN liên bang với thuế suất là 21% thu nhập chịu thuế và thuế TNDN tiểu bang tại mức thấp hơn giữa 8,84% thu nhập chịu thuế và 800 Đô la Mỹ.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.158.179.715	17.943.527.015
Điều chỉnh thuế trích thiếu các năm trước	86.544.037	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(12.181.712.297)	(1.711.997.655)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.063.011.455</b>	<b>16.231.529.360</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**29.1 Chi phí thuế TNDN** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 31)
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>141.461.855.614</b>	<b>74.810.952.472</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	25.443.184.870	12.716.216.582
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	216.174.773	278.013.372
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	57.461.559	509.500.828
Thu nhập cổ tức	(4.042.560)	(39.376.160)
Lợi nhuận chưa thực hiện	(197.079.444)	90.823.363
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.239.316.558)	-
Lãi từ công ty liên kết	(58.168.644)	-
Lỗ thuế năm trước mang sang	-	(31.083.580)
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	2.893.500.303	3.938.320.754
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	86.544.037	-
Thuế TNDN được miễn giảm	(2.135.246.881)	(1.230.885.799)
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>21.063.011.455</b>	<b>16.231.529.360</b>

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**29.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận thuế TNDN hoãn lại phải trả cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 31)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 31)
Dự phòng phải thu khó đòi	2.241.768.923	-	2.241.768.923	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
Dự phòng đầu tư tài chính	(2.918.468.199)	(6.008.411.573)	3.089.943.374	320.786.700
Chi phí lương phải trả	-	(5.450.000.000)	5.450.000.000	1.393.894.636
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	(2.683.681)
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) thuần</b>	<b>723.300.724</b>	<b>(11.458.411.573)</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			<b>12.181.712.297</b>	<b>1.711.997.655</b>

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết	Phí dịch vụ sử dụng cơ sở hạ tầng Mua dịch vụ	1.690.167.185 875.089.906	516.598.764 -
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT (đến ngày 5 tháng 12 năm 2018)	Doanh thu bán thành phẩm	2.160.070.141	414.763.040
Công ty TNHH May Mặc Cây Dừa	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT (đến ngày 5 tháng 12 năm 2018)	Doanh thu bán thành phẩm	626.315.891	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm		Số đầu năm	
<i>VND</i>						
<i>Số đầu năm</i>						
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>						
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT (đến ngày 5 tháng 12 năm 2018)	Bán hàng hóa	2.001.266.082	12.526.707.110		
Công ty TNHH MTV Con Đường Xanh Quảng Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT (đến ngày 5 tháng 12 năm 2018)	Bán hàng hóa	-	3.892.524.958		
Công ty TNHH May Mặc Cây Dừa	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT (đến ngày 5 tháng 12 năm 2018)	Bán hàng hóa	-	2.033.699.349		
			<b>2.001.266.082</b>	<b>18.452.931.417</b>		
<b>Phải thu dài hạn của khách hàng</b>						
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT (đến ngày 5 tháng 12 năm 2018)	Bán hàng hóa	-	8.495.818.565		
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>						
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	2.037.626.437		
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>						
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	97.996.826	3.893.924.847		
Công ty TNHH MTV Con Đường Xanh Quảng Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT (đến ngày 5 tháng 12 năm 2018)	Mua nguyên vật liệu	-	1.246.584.250		
Công ty TNHH May Mặc Cây Dừa	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT (đến ngày 5 tháng 12 năm 2018)	Mua nguyên vật liệu	-	195.239.000		
Công ty TNHH Trà Tân	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT (đến ngày 5 tháng 12 năm 2018)	Mua nguyên vật liệu	-	79.226.400		
			<b>97.996.826</b>	<b>5.414.974.497</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lương và thù lao	9.616.929.807	8.679.135.483		

**31. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT CỦA NĂM TRƯỚC**

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố các sai sót đối với một số khoản mục sau đây nhằm phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong các năm trước của Nhóm Công ty:

*Phải trả người lao động và chi phí phải trả ngắn hạn*

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn nhập dự phòng quỹ lương cho người lao động theo các quy định về thuế nhưng không thỏa điều kiện của nghĩa vụ phải trả theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Theo đó, Công ty đã ghi tăng khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền lần lượt là 38.594.473.179 VND và 31.000.000.000 VND; ghi giảm khoản mục "Phải trả người lao động" và "Chi phí phải trả ngắn hạn" vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền lần lượt là 27.000.000.000 VND và 4.000.000.000 VND; và ghi tăng khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 7.594.473.179 VND.

*Thuế TNDN hoãn lại phải trả*

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng đã ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả cho khoản dự phòng quỹ lương nêu trên theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 – Thuế Thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, Công ty đã ghi giảm khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" và ghi tăng khoản mục "Thuế thu nhập hoãn lại phải trả" vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 với cùng số tiền lần lượt là 6.843.894.636 VND và 5.450.000.000 VND; và ghi tăng khoản mục "Thu nhập thuế TNDN hoãn lại" cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 1.393.894.636 VND.

Ảnh hưởng của các khoản mục được điều chỉnh hồi tố nêu trên đối với khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" được tóm tắt như sau:

	<i>VND</i>
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được trình bày trước đây	28.182.853.286
Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố:	
Hoàn nhập dự phòng quỹ lương	38.594.473.179
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(6.843.894.636)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau điều chỉnh hồi tố	<u>59.933.431.829</u>
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được trình bày trước đây	43.553.911.012
Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố:	
Hoàn nhập dự phòng quỹ lương	31.000.000.000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(5.450.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau điều chỉnh hồi tố	<u>69.103.911.012</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT CỦA NĂM TRƯỚC (tiếp theo)**

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày như sau:

	Số liệu theo báo cáo trước đây	Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố	VND Số liệu sau điều chỉnh
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>			
<b>Nợ ngắn hạn</b>			
Phải trả người lao động	76.150.285.188 (27.000.000.000)		49.150.285.188
Chi phí phải trả ngắn hạn	11.102.143.874 (4.000.000.000)		7.102.143.874
<b>Phải trả dài hạn</b>			
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	6.008.411.573 5.450.000.000		11.458.411.573
<b>Vốn chủ sở hữu</b>			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	43.553.911.012 25.550.000.000		69.103.911.012

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Chi phí quản lý doanh nghiệp	134.235.593.489	7.594.473.179	141.830.066.668
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	82.405.425.651 (7.594.473.179)		74.810.952.472
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(318.103.019) (1.393.894.636)		(1.711.997.655)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	64.780.001.655 (6.200.578.543)		58.579.423.112
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	65.699.369.489 (6.200.578.543)		59.498.790.946
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.237 (697)		3.540
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.237 (697)		3.540

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	82.405.425.651 (7.594.473.179)		74.810.952.472
Tăng các khoản phải trả	10.236.528.843 7.594.473.179		17.831.002.022

**32. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các loại ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	5.178.977,99	4.168.573,89
- Đồng Euro (EUR)	-	3.129,79

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

  
Trần Thị Thu Trâm  
Người lập

  
Trần Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Lê Hùng  
Tổng Giám đốc



Ngày 9 tháng 4 năm 2019







# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**

TP.HCM, ngày 15 tháng 04 năm 2019

Đại diện pháp luật của Công ty  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LÊ HÙNG**